

VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH Số: 45/ĐĐBQH-BC
Số: J.H.....
Đến ngày: DA./.../AD./.../D.H
K.chuyên:.....

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 9 năm 2017

## BÁO CÁO

### **Tổng hợp kết quả giải quyết và trả lời của các Bộ, ngành Trung ương về những kiến nghị cử tri Thanh Hoá gửi đến kỳ họp thứ ba, Quốc hội khóa XIV**

Thông qua các cuộc tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp thứ ba, Quốc hội khoá XIV, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hoá đã tổng hợp được 65 nhóm ý kiến, kiến nghị thuộc 3 lĩnh vực (Kinh tế, Văn hóa – Xã hội, Xây dựng pháp luật, xây dựng chính quyền và địa giới hành chính) của cử tri Thanh Hoá gửi đến các cơ quan chức năng của Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương.

Tính đến tháng 9/2017 đã có 17 cơ quan chức năng trả lời bằng văn bản về 38/65 nhóm ý kiến, kiến nghị mà cử tri nêu (gồm Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Quốc phòng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công thương, Ủy ban dân tộc, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội). Kết quả giải quyết, trả lời cử tri của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền đã được đăng tải kịp thời trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương và trên website của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

Còn 28 nhóm ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới kỳ họp thứ ba, Quốc hội khóa XIV đang được các cơ quan chức năng ở Trung ương xem xét giải quyết.

Sau đây là tổng hợp kết quả giải quyết và trả lời của các cơ quan chức năng:

#### **I. Lĩnh vực Kinh tế**

**1. Cử tri Thanh Hóa đề nghị tiếp tục cấp vốn hoàn thành các hạng mục còn lại của Dự án Đê Tả - Hữu sông Bưởi để đáp ứng yêu cầu trong công tác phòng, chống bão lụt và đảm bảo phục vụ sản xuất, đời sống của nhân dân.**

**Trả lời:** (Công văn số 9769/BTC-ĐT ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc giải quyết kiến nghị của cử tri tỉnh Thanh Hóa gửi đến sau kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)

Theo Quyết định số 547/QĐ-TTg ngày 20/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn

2016 – 2020 và Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020, tỉnh Thanh Hóa được giao 55.000 triệu đồng trong giai đoạn 2016 – 2020 để thực hiện dự án Tu bổ, nâng cấp và xử lý sạt lở đê tả sông Bưởi đoạn K4 – K8, xã Thành Hưng và đê hữu sông Bưởi đoạn K6+785 – K8+305, xã Thạch Đồng, huyện Thạch Thành.

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa thực hiện theo kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020 đã được giao.

*2. Trong quá trình xây dựng nông thôn mới, ở nông thôn hiện nay có nhiều công trình bằng nhiều nguồn vốn đầu tư khác nhau. Việc giám sát nguồn vốn và chất lượng công trình còn nhiều khó khăn. Có những công trình, dự án lớn bằng nguồn vốn đầu tư của Nhà nước khi được đầu tư tại địa phương đã không tổ chức tốt việc tham vấn cộng đồng, dẫn đến khi công trình đưa vào sử dụng có nhiều bất cập, không phù hợp; Cá biệt có những công trình không có sự tham gia của Ban giám sát đầu tư cộng đồng. Trong khi đó, Chính phủ đã có Quyết định 80/2005/QĐ-TTg, ngày 18/4/2005 về Ban hành Quy chế giám sát đầu tư cộng đồng. Đề nghị Nhà nước cần chỉ đạo các cơ quan chức năng thực hiện nghiêm về quy trình tham vấn cộng đồng và giám sát của Ban giám sát đầu tư cộng đồng đối với tất cả các công trình xây dựng từ nguồn vốn đầu tư của Nhà nước để góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng và phòng chống thất thoát, lãng phí.*

Trả lời: (Công văn số 6167/BNN-VPĐP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi đến kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đã được cả hệ thống chính trị vào cuộc mạnh mẽ cùng với sự hưởng ứng nhiệt tình của người dân nông thôn. Người dân đã chủ động tham gia phong trào, phát huy vai trò làm chủ của người dân và cộng đồng theo phương châm dân làm, nhà nước hỗ trợ. Nhờ vậy, diện mạo nông thôn đã có khởi sắc; tất cả các xã đã có số tiêu chí đạt chuẩn tăng lên; mô hình xã đạt chuẩn nông thôn mới đã có ở tất cả các vùng, miền; đời sống người dân được cải thiện một bước.

Để tiếp tục triển khai hiệu quả Quy chế giám sát đầu tư cộng đồng (ban hành tại Quyết định 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ), Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các văn bản quy định chi tiết và chỉ đạo các địa phương phát huy vai trò chủ thể của người dân trong quá trình triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn:

1. Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020, nhằm đơn giản hóa các thủ tục đầu tư, tăng cường giao cho người dân và cộng đồng hưởng lợi tự thực hiện các công trình, dự án có tổng mức đầu tư dưới 5 tỷ (có sử dụng vốn ngân sách nhà nước), kỹ thuật đơn giản trên cơ sở áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình.

2. Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình MTQG, trong đó “Tăng cường phát huy vai trò giám sát của cộng đồng trong quản lý và điều hành thực hiện các chương trình MTQG” và “Phát huy vai trò chủ thể và sự tham gia, đóng góp của cộng đồng dân cư vào quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG” là 02 trong 05 nguyên tắc quản lý, điều hành thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2016 – 2020.

3. Phát huy vai trò chủ thể của người dân và cộng đồng đã được quy định và hướng dẫn cụ thể:

- Về giám sát cộng đồng đối với việc thực hiện các chương trình MTQG đã được Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết tại Điều 19, Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình MTQG ban hành kèm theo Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016.

- Về phát huy vai trò chủ thể của người dân và cộng đồng trong quá trình lập kế hoạch thực hiện chương trình MTQG ở cấp xã: Đã được Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết tại Điều 6, Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình MTQG ban hành kèm theo Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016. Đồng thời các Bộ đã ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện quy định này: Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14/02/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Thông tư số 05/2017/TT-BNNPTNT ngày 01/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

- Trong Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; Thủ tướng Chính phủ đã đề nghị Mặt trận Tổ quốc các cấp tiến hành lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn đối với quá trình và kết quả xây dựng nông thôn mới. Đây là

một căn cứ để các cấp có thẩm quyền xem xét việc công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới.

**3. Đề tăng tính kết nối vùng, khu vực, cử tri đề nghị Chính phủ sớm bố trí vốn cho dự án đầu tư tuyến đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Thanh Hóa có chiều dài 96,2km; dự án nâng cấp Quốc lộ 15 từ huyện Quan Hóa đến Ngọc Lặc dài 56km; Đầu tư các cầu Hoàng Khánh, cầu Cẩm Vân, cầu Đò Đại đã được phê duyệt chủ trương đầu tư; Bố trí vốn cho dự án nạo vét luồng tàu ra, vào cảng Nghi Sơn (đoạn từ bến số 4 đến đê Bắc) với quy mô tổng chiều dài 3.500m. Đề nghị Chính phủ sớm phê duyệt bổ sung quy hoạch Cảng hàng không Thọ Xuân là Cảng hàng không Quốc tế.**

**Trả lời:** (Công văn số 8479/BGTVT-KHĐT ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải về việc trả lời kiến nghị của cử tri tỉnh Thanh Hóa gửi đến kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)

1. Dự án đầu tư tuyến đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Thanh Hóa

Theo quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 18/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết đường bộ ven biển Việt Nam và Văn bản số 2409/TTg-KTN ngày 31/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ, tuyến đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Thanh Hóa dài 96,2km với quy mô là đường cấp III đồng bằng. Do đoạn từ Thủy Tây – Phụng Vỹ, dài khoảng 17km đã được khởi công xây dựng từ tháng 2/2017 và đoạn từ Xuân Lâm – Hải Hà dài khoảng 18km đi trùng đường hiện hữu nên việc tiếp tục đầu tư với tổng chiều dài xây dựng mới là 61,2km để nối thông toàn tuyến trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, kết nối với tỉnh Ninh Bình, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh và nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn và ứng phó với biến đổi khí hậu cho khu vực ven biển là hết sức cần thiết và đã được UBND tỉnh Thanh Hóa trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tại Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 18/4/2017. Bộ GTVT đã có Văn bản số 4788/BGTVT-KHĐT ngày 05/5/2017 tham gia ý kiến về chủ trương đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển, qua đoạn tỉnh Thanh Hóa.

Bộ GTVT đề nghị UBND tỉnh Thanh Hóa chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện rà soát, nghiên cứu phương án phân kỳ đầu tư cho phù hợp và triển khai lập, trình duyệt chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp vào phương án phân bổ nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 để thực hiện đầu tư.

2. Dự án nâng cấp Quốc lộ 15 từ huyện Quan Hóa đến Ngọc Lặc

Quốc lộ 15 đoạn qua các tỉnh Hòa Bình và Thanh Hóa (Km0-Km109) là tuyến đường giao thông huyết mạch quan trọng, kết nối giao thông vùng Tây Bắc với khu vực miền Trung, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, góp phần xóa đói, giảm nghèo và đảm bảo an ninh, quốc phòng cho các tỉnh Hòa Bình, Thanh Hóa nói riêng cũng như cả khu vực nói chung. Với tầm quan trọng của tuyến đường, Bộ GTVT đã phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp QL15 qua các tỉnh Hòa Bình, Thanh Hóa, trong đó Tiểu dự án 3 thực hiện nâng cấp đoạn từ Km53+00-Km109+00 thuộc địa phận các huyện Quan Hóa, Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa. Tại Quyết định số 911/QĐ-BGTVT ngày 25/3/2016, Bộ GTVT đã phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư với tổng chiều dài tuyến khoảng 53,3km được nâng cấp theo tiêu chuẩn đường cấp III miền núi, tổng mức đầu tư 1.051,663 tỷ đồng. Bộ GTVT đã tổng hợp danh mục đầu tư dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 – 2020 của Bộ (nguồn ngân sách nhà nước). Đến nay, dự án đã được bố trí kế hoạch vốn là 30,7 tỷ đồng, trong đó năm 2016 là 15 tỷ đồng và năm 2017 là 15 tỷ đồng.

Căn cứ tiêu chí phân bổ vốn của Quốc hội, thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, do nguồn vốn ngân sách Nhà nước phân bổ cho Bộ GTVT trong giai đoạn 2016 – 2020 rất hạn hẹp nên hiện nay Bộ GTVT vẫn chưa cân đối đủ cho các nội dung được ưu tiên và phải tập trung bố trí vốn như: Trả nợ đọng xây dựng cơ bản, ứng trước kế hoạch và bố trí vốn đối ứng cho các dự án ODA. Do đó, Bộ GTVT chưa thể cân đối đủ được nguồn vốn để hoàn thành trong giai đoạn 2016 – 2020 cho nhiều dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước đang triển khai, trong đó có Tiểu dự án 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp QL15 qua các tỉnh Hòa Bình, Thanh Hóa.

Do điều kiện nguồn vốn hạn chế như đã nêu trên, Bộ GTVT sẽ chỉ đạo cho Sở GTVT Thanh Hóa xác định phạm vi giải phóng mặt bằng, điểm dừng kỹ thuật để triển khai thực hiện trong phạm vi nguồn vốn kế hoạch đã được giao, đảm bảo hoàn thành các hạng mục công trình, không để phát sinh nợ đọng trong xây dựng cơ bản.

3. Đầu tư các cầu Hoàng Khánh, cầu Cẩm Vân, cầu Đò Đại: Bộ GTVT thống nhất với tỉnh Thanh Hóa về sự cần thiết đầu tư các dự án nêu trên, tuy nhiên do các dự án này đều thuộc phạm vi quản lý, đầu tư của UBND tỉnh Thanh Hóa nên Bộ GTVT đề nghị UBND tỉnh Thanh Hóa chủ động bố trí ngân sách địa phương hoặc huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai thực hiện. Trường hợp ngân sách địa phương khó khăn, đề nghị UBND tỉnh Thanh Hóa báo các Bộ, ngành có liên quan để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét hỗ trợ vốn từ ngân sách Trung ương để đầu tư xây dựng.

#### 4. Bố trí vốn cho dự án nạo, vét luồng tàu ra, vào cảng Nghi Sơn

- Theo Quyết định số 2368/QĐ-BGTVT ngày 29/7/2016 của Bộ GTVT phê duyệt Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển số 2, quan điểm đầu tư luồng vào khu bến Nam Nghi Sơn được xác định như sau: Khai thác hiệu quả tuyến luồng hiện hữu, đảm bảo cho tàu 30.000 tấn và cỡ tàu lớn hơn phù hợp với thông số kỹ thuật luồng tàu; đầu tư mới vũng quay tàu dùng chung tại địa điểm trước bến số 4 và số 5. Các giai đoạn tiếp theo sẽ căn cứ vào thực tế phát triển của cảng, lượng hàng hóa và đội tàu đến cảng nghiên cứu nâng cấp, mở rộng luồng tàu.

- Tuyến luồng hiện hữu từ phao số “0” đến cầu cảng số 4 – bến tổng hợp Nghi Sơn có tổng chiều dài 4,652km với bề rộng đáy luồng 120m; cao độ đáy thiết kế -11,0m. Đoạn luồng từ cầu cảng số 4 đến vũng quay tàu thuộc đầu cảng số 5, Bến tổng hợp Nghi Sơn đã được Công ty Cổ phần đầu tư khoáng sản Đại Dương nạo vét bằng kinh phí của doanh nghiệp sau khi được sự chấp thuận của Bộ GTVT với cao độ đáy thiết kế -11m cho tàu trọng tải 30.000 tấn hoặc lớn hơn có thông số phù hợp với chuẩn tắc luồng hiện hữu hành hải.

- Đoạn luồng từ cầu cảng số 5 đến Đê Bắc theo quy hoạch phục vụ các bến tiếp nhận tàu có trọng tải từ 30.000 đến 50.000 tấn, hiện cho phép tàu trọng tải 30.000 tấn và cỡ tàu lớn hơn phù hợp với thông số kỹ thuật luồng tàu hành hải. Bộ GTVT đã tiếp nhận hồ sơ dự án đầu tư tuyến luồng từ UBND tỉnh Thanh Hóa và xem xét phê duyệt đề xuất dự án nạo vét đáp ứng nhu cầu thông qua hàng hóa theo quy hoạch để triển khai.

#### 5. Bổ sung quy hoạch Cảng hàng không Thọ Xuân là Cảng hàng không Quốc tế

Bộ GTVT đã có Tờ trình số 5767/TTr-BGTVT ngày 25/5/2016 và Văn bản số 1039/BGTVT-KHĐT ngày 10/3/2017 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh Quy hoạch phát triển giao thông vận tải hàng không giai đoạn 2020 định hướng đến năm 2030. Trong đó, Bộ GTVT đã đề nghị đưa Sân bay Thọ Xuân vào mạng cảng hàng không nội địa giai đoạn 2020 và nghiên cứu bổ sung vào mạng cảng hàng không quốc tế giai đoạn đến năm 2030.

***4. Dự án Tiêu thoát lũ Sông Hoạt vùng Hà Trung (giai đoạn 1) đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt theo Quyết định số 5325/QĐ/BNN-XDCB ngày 31/10/2001 với tổng kinh phí đầu tư 25 tỷ đồng (toàn bộ dự án là 187,206 tỷ đồng). Để tiếp tục thực hiện dự án Tiêu thoát lũ Sông Hoạt đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt, cử tri huyện Hà Trung đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT tiếp tục hỗ trợ triển khai thực hiện dự án Tiêu thoát lũ Sông Hoạt của huyện Hà Trung, trong đó đặc biệt quan***

*trọng là nạo vét sông Hoạt đoạn từ cầu Hà Thanh lên thượng nguồn xã Hà Tiến và đoạn từ kênh Hà Đông đi kênh Chiêu Bạch, huyện Hà Trung.*

**Trả lời:** (Công văn số 6480/BNN-XD ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)

Dự án Hệ thống tiêu thoát lũ sông Hoạt vùng Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 1) được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 5325/QĐ/BNN-XDCB ngày 31/10/2001 và Quyết định số 6889/QĐ/BNN-XDCB ngày 31/12/2001 với Tổng mức đầu tư là 87,795 tỷ đồng. Khu hưởng lợi của Dự án nằm trên địa phận của các huyện Hà Trung, Nga Sơn và thị xã Bim Sơn.

Theo các Quyết định trên, dự án Hệ thống tiêu thoát lũ sông Hoạt vùng Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 1) được thực hiện theo 02 bước: Bước 1: Xây dựng 02 cụm công trình âu Báo Văn, Mỹ Quan Trang và nạo vét một số đoạn sông Càn, sông Báo Văn. Bước 2: Sau khi hoàn thành bước 1, rút kinh nghiệm từ thực tế vận hành của hệ thống, sẽ xem xét và quyết định đầu tư từ bước 2 gồm: nạo vét các hệ thống sông trực còn lại, trong đó có sông Hoạt.

Đến năm 2012, dự án đã hoàn thành một số hạng mục của bước 1, gồm: Âu Báo Văn, âu Mỹ Quan Trang, nạo vét Sông Báo Văn từ Tứ Thôn đến sông Lèn dài 9,26km, nạo vét sông Càn từ Tứ Thôn đến thượng lưu âu Mỹ Quan Trang dài 7,65km; kinh phí thực hiện các hạng mục là 81,593 tỷ đồng.

Qua theo dõi tình hình vận hành dự án trong mấy năm qua, thấy rằng các hạng mục đã đầu tư phát huy hiệu quả tốt. Tuy nhiên, do nguồn vốn hạn hẹp, kinh phí của dự án chỉ còn khoảng 6 tỷ đồng không đủ đầu tư hoàn thành các hạng mục còn lại nên đoạn Sông Càn từ hạ lưu âu Mỹ Quan Trang đến cửa Càn (dài 23,35km) và nạo vét một số trục tiêu của bước 2, trong đó có sông Hoạt được chuyển ghép vào dự án Hệ thống thủy lợi sông Lèn, đầu tư bằng vốn vay Hàn Quốc (KEXIM).

Tuy nhiên, do chính sách của Nhà tài trợ (KEXIM) chỉ đầu tư các công trình đầu mối, không đầu tư nạo vét kênh nên hạng mục nạo vét sông Càn và các sông trục tiêu không được sử dụng vốn vay, trong khi nguồn vốn ngân sách khó khăn, Bộ đã có giải pháp tình thế là đưa vào dự án HTTL Sông Lèn một số hạng mục hỗ trợ tiêu cho huyện Hà Trung như trạm bơm tiêu Hà Hải, trạm bơm tiêu Hà Yên 1 và cống tiêu, trạm bơm tưới, tiêu kết hợp Triết Giang. Các hạng mục này khi được xây dựng sẽ góp phần tiêu úng cho huyện Hà Trung, đảm nhiệm một phần nhiệm vụ của trục tiêu sông Hoạt.

Để giải quyết căn cơ và từng bước thực hiện quy hoạch thủy lợi vùng Bắc sông Mã, đặc biệt là quy hoạch tiêu lưu vực sông Báo Văn, sông Càn, việc đầu tư nạo vét sông Càn và các sông trục tiêu, trong đó có sông Hoạt huyện Hà Trung là cần thiết.

Hiện nay, nguồn vốn trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 đã được Quốc hội thông qua, Bộ Nông nghiệp và PTNT được giao quản lý rất thấp so với nhu cầu. Trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, đối với lĩnh vực thủy lợi Bộ Nông nghiệp và PTNT đang phải tập trung vốn cho các dự án có quy mô lớn như: Hoàn thành dự án Hệ thống thủy lợi Bắc sông Chu – Nam sông Mã; chuẩn bị triển khai thực hiện dự án Hệ thống thủy lợi sông Lèn, dự án Tiêu úng vùng 3 Nông Công; đối với dự án Tiêu úng Đông Sơn đang đầu tư cũng phải cắt giảm quy mô cho phù hợp với nguồn vốn đã bố trí.

Vì vậy, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị tỉnh Thanh Hóa chủ động cân đối, bố trí trong kế hoạch đầu tư của Tỉnh hoặc huy động các nguồn vốn hợp pháp khác. Trường hợp quá khó khăn, đề nghị Tỉnh làm việc trực tiếp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Quốc hội xem xét, hỗ trợ.

***5. Cử tri tiếp tục phản ánh việc xây dựng nông thôn mới là một chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta, được đông đảo nhân dân đồng tình, ủng hộ, hưởng ứng. Đến nay đã đem lại sự thay đổi lớn về nông thôn Việt Nam. Tuy nhiên, theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới thì phần vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước còn hạn chế, đề nghị Chính phủ tăng thêm phần vốn ngân sách nhà nước cho xây dựng nông thôn.***

***Trả lời:*** (Công văn số 6789/BNN-VPĐP ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi đến kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)

Theo Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020 và Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020, nguồn lực ngân sách nhà nước bố trí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tối thiểu là 193.155,6 tỷ đồng, bao gồm ngân sách Trung ương là 63.155,6 tỷ đồng (gấp 3,8 lần so với giai đoạn 2011 – 2015), ngân sách địa phương là 130.000 tỷ đồng. Trong quá trình điều hành, Quốc hội giao Chính phủ tiếp tục cân đối ngân sách Trung ương để có



thể hỗ trợ thêm cho Chương trình và có giải pháp huy động hợp lý mọi nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện.

Chỉ thị số 36/CT-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu: “Về nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngoài nguồn vốn đã được Quốc hội bố trí, trong quá trình thực hiện tranh thủ các nguồn lực khác, kể cả vốn vay quốc tế để tăng thêm cho Chương trình”.

**6. Nông dân và người chăn nuôi trong tỉnh lo lắng trước tình hình dịch cúm gia cầm có độc lực cao đang diễn biến phức tạp trên thế giới, có khả năng xâm nhập vào nước ta bằng nhiều con đường nhập khẩu trái phép gia cầm và sản phẩm gia cầm. Để chủ động ngăn chặn, phòng chống các chủng vi rút cúm gia cầm xâm nhập vào Việt Nam, giảm thiểu thiệt hại cho ngành chăn nuôi trong nước và trong tỉnh, cử tri và nhân dân đề nghị Chính phủ, các bộ ngành có liên quan tăng cường tuyên truyền sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân về sự nguy hiểm của bệnh cúm gia cầm, hướng dẫn các biện pháp phòng chống, phát hiện và xử lý triệt để các ổ dịch phát sinh.**

**Trả lời:** (Công văn số 6793/BNN-TY ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi đến kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)

- Hiện nay, dịch cúm gia cầm độc lực cao đang diễn biến phức tạp trên thế giới như cúm A/H7N9, A/H5N2, A/H5N8,... đặc biệt là bệnh cúm A/H7N9 đã xuất hiện tại Trung Quốc từ tháng 3/2013. Nguy cơ các chủng vi rút cúm này xâm nhiễm vào trong nước thông qua các hoạt động vận chuyển, buôn bán, tiêu thụ gia cầm và sản phẩm gia cầm nhập lậu, không rõ nguồn gốc, nhất là đối với các tỉnh biên giới phía Bắc và các tỉnh, thành phố khác có tiêu thụ gia cầm, sản phẩm gia cầm nhập lậu là rất cao.

- Trước tình hình đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Công văn 18/TTg-KGVX ngày 27/02/2017 về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện công tác phòng, chống dịch cúm gia cầm và Công điện số 427/CD-TTg ngày 27/3/2017 về việc tập trung phòng, chống vi rút cúm A/H7N9 và các chủng vi rút CGC có khả năng lây sang người xâm nhiễm vào Việt Nam. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng đã ban hành Chỉ thị, Công điện, văn bản chỉ đạo ngành và các địa phương thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh; đồng thời Bộ đã ban hành “Kế hoạch quốc gia phòng, chống dịch cúm gia cầm, giai đoạn 2014 – 2018” (theo Quyết định số 438/QĐ-BNN-TY ngày 13/3/2014) và “Kế hoạch hành động ứng phó khẩn cấp với các chủng vi rút cúm nguy hiểm có khả năng lây sang người” (theo Quyết định số 210/QĐ-BNN-TY ngày 14/02/2014) với

các nội dung hoạt động rất chi tiết, theo 4 tình huống cụ thể để có các giải pháp ứng phó phù hợp với tình hình dịch bệnh.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng đã chỉ đạo ngành thú y chủ động, phối hợp với các tổ chức FAO, Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ, Trung tâm Không chế dịch bệnh Hoa Kỳ phối hợp với các địa phương triển khai hoạt động lấy mẫu giám sát trên đàn gia cầm, chim hoang dã để xét nghiệm nhằm phát hiện sớm vi rút cúm A/H5N1, A/H5N6, A/H7N9,... Kết quả từ tháng 6/2013 đến nay đã xét nghiệm trên 204 ngàn mẫu dịch hầu họng gia cầm, mẫu môi trường và mẫu nước thải trên 200 chợ, điểm buôn bán gia cầm của 43 tỉnh, thành phố, tất cả đều âm tính với vi rút cúm A/H7N9. Ngành thú y cũng đã chủ động xử lý gia cầm mắc bệnh, quản lý chặt ổ dịch, tổ chức tiêm phòng bao vây ổ dịch, tiêu độc khử trùng, phối hợp kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển gia cầm và sản phẩm gia cầm vào trong nước tiêu thụ; xử lý nghiêm các vụ vi phạm.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì Hội nghị triển khai các biện pháp ngăn chặn chủng vi rút cúm A/H7N9 và các chủng vi rút cúm gia cầm khác tại Lạng Sơn ngày 26/02/2017 với 25 tỉnh, thành phố; đồng thời phối hợp với Bộ Y tế, Tổ chức FAO và các địa phương tổ chức diễn tập ứng phó sự xâm nhiễm của vi rút cúm A/H7N9 và các chủng vi rút cúm gia cầm nguy hiểm có khả năng lây sang người tại thành phố Hà Nội và các tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Thái Nguyên.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo các cơ quan thú y thường xuyên phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí như Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Báo Nhân dân, Báo Nông nghiệp Việt Nam,... tổ chức tuyên truyền sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân, cư dân biên giới về sự nguy hiểm của bệnh cúm gia cầm, hướng dẫn các biện pháp phòng chống, phát hiện và xử lý kịp thời, triệt để các ổ dịch phát sinh theo đúng quy định của pháp luật.

*7. Giai đoạn 2016 – 2020, nhu cầu đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của các địa phương rất lớn, nhất là trong một số lĩnh vực thiết yếu như giao thông, thủy lợi, y tế; trong khi nguồn vốn ngân sách nhà nước hiện nay rất hạn hẹp. Vì vậy, đề nghị có chủ trương phát hành thêm trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016 – 2020 để hỗ trợ nguồn lực đầu tư cho các địa phương.*

*Trả lời: (Công văn số 10901/BTC-NSNN ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc trả lời kiến nghị của cử tri tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)*

1. Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 đã được Quốc hội thông qua và có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2017 đã quy định rõ bội chi ngân sách nhà nước hằng năm được bù đắp bởi nguồn vay trong nước và ngoài nước. Theo đó, phần huy động trái phiếu Chính phủ cho đầu tư đã được tính trong cân đối ngân sách nhà nước (nằm trong số bội chi) và số chi từ nguồn trái phiếu Chính phủ nằm trong tổng mức dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước.

2. Luật Quản lý nợ công (Điều 5) quy định nguyên tắc quản lý nợ công phải trong giới hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm an ninh và tài chính quốc gia và cân đối vĩ mô nền kinh tế.

3. Bộ Chính trị đã có Nghị quyết số 07-NQ/TW về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững với chủ trương tập trung cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước, tăng cường quản lý nợ công, bảo đảm an toàn và bền vững nền tài chính quốc gia; vay nợ, giải ngân trong phạm vi kế hoạch và hạn mức được cấp có thẩm quyền quyết định; Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 25/2016/QH14 về Kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2016 – 2020 và Nghị quyết số 26/2016/QH14 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020, theo đó:

- Giới hạn nợ công hằng năm không quá 65% GDP, nợ Chính phủ không quá 54% GDP, nợ nước ngoài không quá 50% GDP.

- Tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020 không quá 3,9% GDP, trong đó bội chi ngân sách trung ương không quá 3,7% GDP và bội chi ngân sách địa phương không quá 0,2% GDP. Phân đầu giảm mạnh bội chi ngân sách nhà nước để đến năm 2020 không quá 3,5% GDP nhằm thực hiện cân đối ngân sách nhà nước tích cực, bảo đảm nợ công trong giới hạn cho phép.

Trên cơ sở yêu cầu về giới hạn nợ công, bội chi và dự báo số thu cả giai đoạn 2016 – 2020 xác định tổng mức vốn đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020 tối đa là 2.000.000 tỷ đồng, trong đó bao gồm phát hành 260.000 tỷ đồng vốn trái phiếu Chính phủ (bao gồm 60.000 tỷ đồng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2014 – 2016 chuyển sang).

Như vậy, để thực hiện chủ trương tạo thêm nguồn lực, tạo đột phá trong xử lý điểm yếu về cơ sở hạ tầng, căn cứ khả năng thu – chi và yêu cầu đảm bảo an ninh tài chính quốc gia, Quốc hội đã quyết định mức phát hành trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016 – 2020 là 260.000 tỷ đồng.

Tùy tình hình phát triển kinh tế cụ thể những năm tới, khi điều kiện thuận lợi, các chỉ tiêu nợ công trong giới hạn quy định, an ninh tài chính quốc

gia được đảm bảo, các cơ quan chức năng có thể xem xét, trình Quốc hội điều chỉnh kế hoạch tài chính quốc gia 05 năm và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020. Mặt khác, đề nghị các địa phương phải đẩy mạnh huy động các nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng theo hình thức đối tác công tư (PPP) đa dạng hóa nguồn lực, cải thiện hiệu quả đầu tư nhằm phát triển hạ tầng kinh tế xã hội thiết yếu như giao thông, thủy lợi, y tế trên địa bàn địa phương cũng như cả nước.

**8. Đề nghị Nhà nước có chính sách hỗ trợ cho các hộ chăn nuôi gia súc như được khoan nợ, giãn nợ ngân hàng để bớt khó khăn trong việc duy trì đàn giống.**

**Trả lời:** (Công văn số 6690/NHNN-VP ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc trả lời kiến nghị của cử tri sau kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)

Thời gian qua, Chính phủ và NHNN đã ban hành nhiều chính sách và chương trình tín dụng hỗ trợ ngành chăn nuôi, cụ thể:

- Ban hành Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn và Thông tư 10/2015/TT-NHNN ngày 27/7/2015, khuyến khích các tổ chức tín dụng (TCTD) mạnh dạn đầu tư vốn phát triển lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn đơn giản thủ tục, hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi để người dân, doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng (trong đó có việc cho vay phục vụ chăn nuôi).

- Chỉ đạo các TCTD cân đối vốn để đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn đầu tư phát triển và quy định trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với lĩnh vực chăn nuôi (hiện nay là 6,5%/năm).

- Đối với khách hàng vay để sản xuất chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao theo Quyết định 738/QĐ-BNN-BKHHCN ngày 14/3/2017 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học & Công nghệ còn được hưởng chính sách cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo Quyết định số 813/QĐ-NHNN ngày 24/4/2017 của NHNN với mức lãi suất cho vay ngắn, trung và dài hạn thấp hơn từ 0,5%/năm đến 1,5%/năm so với mức lãi suất cho vay thông thường cùng kỳ hạn.

Vừa qua, giá một số loại gia súc giảm sâu, đặc biệt là giá thịt lợn, ảnh hưởng trực tiếp đến người chăn nuôi do tự phát tăng đàn dẫn đến cung vượt cầu. Đề tháo gỡ khó khăn cho ngành chăn nuôi, giúp người dân giảm bớt khó khăn, Thủ tướng Chính phủ đã có Công văn số 597/TTg-NN ngày 28/4/2017 chỉ đạo các Bộ, ngành về các giải pháp tổng thể để ngành chăn nuôi ổn định phát triển trước mắt và lâu dài. Trong đó, ngành Ngân hàng được giao nhiệm

vụ hướng dẫn các ngân hàng thương mại, các TCTD xem xét giãn nợ, miễn giảm lãi đối với các khoản vốn đã vay; tiếp tục cho vay mới đối với những hộ gia đình, cá nhân, tổ chức, tổ chức có nhu cầu vay cho phát triển chăn nuôi và sản xuất.

Về cơ cấu lại thời gian trả nợ và cho vay mới để sản xuất, kinh doanh: Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, NHNN đã kịp thời ban hành văn bản (Công văn số 3091/NHNN-TD ngày 28/4/2017) chỉ đạo các TCTD căn cứ khả năng tài chính và các quy định pháp luật hiện hành để thực hiện các giải pháp hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho khách hàng vay chăn nuôi gia súc nhất là chăn nuôi lợn như cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi vay, lãi quá hạn, tiếp tục cho vay mới,... để người dân duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh.

NHNN cũng có Tờ trình (Tờ trình số 54/NHNN-TTr ngày 28/4/2017) báo cáo Thủ tướng Chính phủ các biện pháp tháo gỡ khó khăn cho lĩnh vực này của ngành Ngân hàng, đồng thời kiến nghị Thủ tướng Chính phủ các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho ngành chăn nuôi, nhất là chăn nuôi lợn như công tác tổ chức sản xuất, công tác thị trường...

Về khoanh nợ: Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, quy định trường hợp thiên tai, dịch bệnh xảy ra trên phạm vi rộng, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) tổng hợp, đánh giá cụ thể thiệt hại để báo cáo Thủ tướng Chính phủ, NHNN và Bộ Tài chính. Nếu được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, dư nợ bị thiệt hại sẽ được khoanh không tính lãi trong thời gian tối đa 02 (hai) năm và các khoản nợ khoanh được giữ nguyên nhóm nợ như đã phân loại trước khi thực hiện khoanh nợ. Tuy nhiên, trường hợp người chăn nuôi bị thiệt hại thời gian qua là do dự phát tăng đàn dẫn đến cung vượt cầu, đã được Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhiều lần cảnh báo rủi ro nên không thuộc đối tượng được khoanh nợ theo quy định tại Nghị định 55/2015/NĐ-CP.

Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ và tiếp tục cho vay mới là những giải pháp trong ngắn hạn mà ngành Ngân hàng đã thực hiện để tháo gỡ khó khăn về nguồn vốn trả nợ cho người chăn nuôi gia súc. Về lâu dài, để tháo gỡ khó khăn cho ngành chăn nuôi, tránh tình trạng tự phát tăng đàn dẫn đến cung vượt cầu, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, các địa phương tiếp tục có giải pháp tổng thể, để hướng dẫn các địa phương phương pháp phát triển chăn nuôi có hiệu quả, bền vững. Cụ thể:

- Xây dựng, hướng dẫn, giám sát việc thực hiện phát triển chăn nuôi gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm;

- Tăng cường áp dụng công nghệ tiên tiến nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành và chế biến sâu các sản phẩm chăn nuôi để tăng sức mua trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu;

- Rà soát điều chỉnh hạn chế mở mới các cơ sở chế biến thức ăn chăn nuôi công nghiệp;

- Giảm quy mô đàn, điều chỉnh lại cơ cấu chất lượng đàn giống, phương thức chăn nuôi phù hợp với từng phân khúc thị trường;

- Tổ chức lại sản xuất chăn nuôi theo các chuỗi liên kết từ cung cấp đầu vào cho sản xuất đến chế biến, tiêu thụ, lấy doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại làm động lực nhằm kiểm soát tốt chất lượng, an toàn thực phẩm và điều tiết cung cầu thị trường các sản phẩm chăn nuôi.

***9. Hiện nay, trên dòng sông Mã có nhiều công trình thủy điện đang xây dựng, một số công trình đã đi vào hoạt động. Trong quá trình hoạt động có thời gian thông báo xả lũ chậm gây khó khăn và thiệt hại cho nhân dân dọc hai bờ sông Mã, nhất là các hộ sản xuất nông nghiệp và nuôi cá lồng, bè trên sông. Cử tri kiến nghị các cơ quan chức năng sớm đánh giá tác động ảnh hưởng của các dự án thủy điện trên sông Mã, đồng thời phải giám sát chặt chẽ quy trình vận hành để đảm bảo an toàn cho nhân dân trong sản xuất và sinh hoạt.***

***Trả lời:*** (Công văn số 8307/BCT-KH ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Bộ Công thương về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi đến kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)

- Về đánh giá tác động ảnh hưởng của các dự án Thủy điện trên sông Mã  
Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang rà soát và Dự thảo điều chỉnh Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Mã và bổ sung các hồ chứa trên lưu vực như hồ chứa Thủy điện Đồng Văn, Thành Sơn, Bá Thước 1, Bá Thước 2, Cẩm Thủy 1, Xuân Minh, Trung Sơn, Hồi Xuân, Bái Thượng. Trong đó, đã thể hiện việc phối hợp vận hành của các hồ chứa hạn chế ảnh hưởng đối với hạ du, cụ thể: Đảm bảo an toàn công trình, đảm bảo việc chống lũ cho hạ du, đảm bảo dòng chảy tối thiểu trên sông và nhu cầu sử dụng nước hạ du và hiệu quả cấp nước và phát điện. Bộ Công thương đang tiếp tục phối hợp và có ý kiến với Bộ Tài nguyên và Môi trường nhằm hoàn thiện Dự thảo điều chỉnh Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Mã để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành.

- Về giám sát chặt chẽ quy trình vận hành (QTVH) hồ chứa:

Việc giám sát chặt chẽ QTVH để đảm bảo an toàn cho nhân dân trong sản xuất và sinh hoạt cần phải thực hiện một cách tổng thể các biện pháp như: tăng cường năng lực dự báo; tuyên truyền, nâng cao năng lực ứng phó với lũ lụt, tăng cường sự phối hợp của nhân dân và các đơn vị chức năng ở hạ du; xây dựng bản đồ ngập lụt ở hạ du; chỉ đạo thực hiện các biện pháp phòng, chống lũ lụt trên cơ sở năng lực tham gia cắt giảm lũ của các công trình thủy lợi, thủy điện trên lưu vực, đặc điểm lũ của lưu vực, tình hình bố trí dân cư, hạ tầng kỹ thuật, sản xuất nông nghiệp... phía hạ du.

Trong những năm gần đây, Bộ Công Thương đã có các văn bản, Chỉ thị đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo và phối hợp đơn vị quản lý vận hành hồ chứa thủy điện xây dựng cơ chế phối hợp, trao đổi, cung cấp số liệu vận hành hồ chứa; rà soát, xem xét để điều chỉnh hoặc có kiến nghị điều chỉnh những nội dung của QTVH đã được phê duyệt cho phù hợp hơn với thực tế; tăng cường công tác tuyên truyền, thông tin tới nhân dân địa phương các nội dung của QTVH, quy định về hệ thống các tín hiệu thông báo, cảnh báo lũ lụt vùng hạ du của việc vận hành nhà máy và xả lũ hồ chứa thủy điện; phối hợp với các đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện trong việc thông báo kịp thời tới người dân hạ du khi các hồ chứa thủy điện tiến hành xả lũ.

Việc xả nước trái quy định làm thiệt hại sản xuất của nông dân dưới hạ lưu, người có thẩm quyền hoặc chủ hồ chứa, đơn vị quản lý vận hành phải chịu trách nhiệm theo quy định tại: Nghị định số 134/2013/NĐ-CP ngày 17/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Nghị định số 142/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản... Bộ Công Thương đã và sẽ phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng kiên quyết chỉ đạo, xử lý các trường hợp vi phạm hoặc không thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành về vận hành hồ chứa nhằm đảm bảo an toàn cho nhân dân trong sản xuất và sinh hoạt.

*10. Hiện nay tình trạng xi măng cung đã vượt quá cao so với nhu cầu, vì vậy, đề nghị Chính phủ cần xem xét lại Quy hoạch phát triển ngành xi măng để tránh đầu tư tràn lan, gây lãng phí cho xã hội và không phải “giải cứu” như đã “giải cứu” cho một số ngành lĩnh vực trong thời gian qua.*

Trả lời: (Công văn số 2180/BXD-VLXD ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Bộ Xây dựng về việc trả lời kiến nghị của cử tri tỉnh Thanh Hóa gửi tới kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)

## 1. Về tình hình cung cầu xi măng hiện nay

Theo Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1488/QĐ-TTg ngày 29/8/2011 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch 1488) thì sản lượng và dự báo nhu cầu tiêu thụ xi măng qua các năm như sau:

- Năm 2015, cả nước có 91 dây chuyền sản xuất xi măng với tổng công suất thiết kế là 94,24 triệu tấn; nhu cầu tiêu thụ xi măng là 75 – 76 triệu tấn.

- Năm 2020, cả nước có 113 dây chuyền sản xuất xi măng với tổng công suất thiết kế là 129,52 triệu tấn; nhu cầu tiêu thụ xi măng là 93 – 95 triệu tấn.

### ***Trên thực tế:***

- Năm 2015 tổng công suất thiết kế là 81,56 triệu tấn, giảm gần 13 triệu tấn so với quy hoạch là 94,24 triệu tấn. Sản lượng sản xuất thực tế đạt 76,03 triệu tấn bằng 93% tổng công suất thiết kế. Tiêu thụ 72,7 triệu tấn (trong đó tiêu thụ trong nước 56,45 triệu tấn, xuất khẩu 16,25 triệu tấn).

- Năm 2016, tổng công suất thiết kế 87,86 triệu tấn. Sản lượng sản xuất thực tế đạt 78,83 triệu tấn đạt 90% tổng công suất thiết kế. Tiêu thụ 75,5 triệu tấn (trong đó tiêu thụ trong nước đạt 60 triệu tấn, xuất khẩu 15,5 triệu tấn).

- Dự kiến năm 2017, tổng công suất thiết kế là 94,66 triệu tấn. Sản xuất dự kiến 85 triệu tấn, đạt khoảng 90% công suất thiết kế và sản lượng tiêu thụ khoảng 80 triệu tấn.

Bình quân, năm 2015 – 2016 sản lượng sản xuất đạt 91,5% tổng công suất thiết kế, sản lượng sản xuất thực tế luôn đạt hoặc vượt (khoảng 103%) so với nhu cầu thực tế.

Từ các số liệu trên cho thấy sản xuất xi măng giai đoạn vừa qua tăng cao hơn nhu cầu sử dụng trong nước (dù không lớn và chưa vượt quá cao so với yêu cầu) do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- Trong thời gian qua, các dự án xi măng đã áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ, cải tiến thiết bị, nâng cao năng lực sản xuất, nâng cao chất lượng clanhke, pha nhiều phụ gia, do đó sản lượng xi măng của nhiều nhà máy tăng cao hơn công suất thiết kế;

- Tốc độ phát triển kinh tế thời gian qua vừa thấp hơn so với dự báo tại thời điểm lập quy hoạch, dẫn đến đầu tư xây dựng giảm, kéo theo tiêu thụ xi măng ít hơn so với dự báo;

- Để đảm bảo hiệu quả vốn đầu tư, nhiều doanh nghiệp đã xuất khẩu xi măng để tăng sản lượng sản xuất, giảm giá thành sản phẩm.



Từ những phân tích nêu trên và dự báo tốc độ tăng trưởng GDP khoảng 6,5% - 7%/năm trong giai đoạn 2016 – 2020, có thể khẳng định quy mô công suất đến năm 2020 khoảng 109 triệu tấn sẽ đảm bảo cân đối cung - cầu ổn định trong ngành xi măng.

2. Về đề nghị Chính phủ xem xét lại Quy hoạch phát triển ngành xi măng để tránh đầu tư tràn lan, gây lãng phí cho xã hội

Hiện nay, Bộ Xây dựng đang tiến hành rà soát để điều chỉnh Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam giai đoạn 2017 – 2025 và định hướng đến năm 2035 theo hướng như sau:

- Đánh giá, phân tích kỹ các dự báo về phát triển kinh tế xã hội, dự báo về tăng trưởng đầu tư xây dựng; dự kiến cân đối về năng lượng; các yêu cầu về hội nhập quốc tế..., để dự báo cung cầu xi măng phù hợp nhất cho từng thời kỳ; đáp ứng nhu cầu sử dụng trong nước, hạn chế xuất khẩu.

- Kiểm soát chặt chẽ các dự án đầu tư theo hướng: ưu tiên cải tạo, mở rộng nâng cấp công nghệ, thiết bị, công suất của các dây chuyền sản xuất hiện có (nếu cần thiết). Từ nay đến năm 2020 không đầu tư dây chuyền mới.

- Bổ sung, điều chỉnh các quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan để đảm bảo nâng cao trình độ, công nghệ sản xuất, giảm thiểu tiêu hao năng lượng, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, đáp ứng các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường của ngành sản xuất xi măng Việt Nam.

- Đánh giá kỹ về điều kiện sản xuất, thị trường tiêu thụ để có các giải pháp phân bổ hợp lý các cơ sở sản xuất, phương án lưu thông, cung ứng sản phẩm xi măng cho hợp lý.

***11. Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tiếp tục thực hiện đầu tư xây dựng các tuyến đường gom phía Tây đường sắt và Barie các điểm giao cắt giữa đường sắt với đường bộ để đảm bảo an toàn chạy tàu và đảm bảo an toàn cho người tham gia giao thông.***

***Trả lời:*** (Công văn số 8307/BGTVT-KCHT ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải về việc trả lời kiến nghị của cử tri tỉnh Thanh Hóa gửi đến kỳ họp thứ 3 – Quốc hội khóa XIV)

1. Trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa:

Tuyến đường sắt Hà Nội – Tp. Hồ Chí Minh chạy qua địa bàn tỉnh Thanh Hóa với chiều dài khoảng 104,5km (từ km 135 + 000 đến km 239 + 500); Tổng số có 211 vị trí giao cắt giữa đường bộ và đường sắt, cụ thể: 73 đường ngang (30 đường ngang có người gác, 21 đường ngang cảnh báo tự động, 22 đường ngang biển báo) và 126 lối đi dân sinh.

Hiện tại, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đã lắp cần chắn tự động tại 12 đường ngang cảnh báo tự động và tổ chức cảnh giới tại 17 đường ngang (đường ngang cảnh báo tự động và đường ngang biển báo) và 03 lối đi dân sinh cắt qua đường sắt. Dọc hai bên đường sắt đã xây dựng được 10.887m hàng rào, đường gom.

2. Việc xây dựng các đoạn đường gom, hàng rào theo đề nghị của các địa phương, trong đó có tỉnh Thanh Hóa có trong Dự án “Xây dựng hàng rào, đường gom (phần bổ sung) theo Quyết định 1856, giai đoạn 3”. Hiện tại, Tổng công ty ĐSVN đang triển khai công tác lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Lập đề xuất chủ trương đầu tư trình Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Ngày 31/8/2015 Bộ Giao thông Vận tải đã có Văn bản số 11630/BGTVT-KHĐT đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nguồn vốn. Tuy nhiên, trong kế hoạch trung hạn (2016 – 2020), dự án này chỉ được Bộ KHĐT dự kiến bố trí vốn để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư. Vì vậy, để sớm triển khai thực hiện đầu tư xây dựng hàng rào gom nêu trên đảm bảo an toàn giao thông khu vực, Bộ Giao thông Vận tải sẽ kiến nghị Thủ tướng Chính phủ và các Bộ ngành xem xét, cân đối bố trí vốn trong kế hoạch trung hạn 2016 – 2020 để triển khai thực hiện. Khi được bố trí kinh phí, Bộ Giao thông Vận tải sẽ triển khai thực hiện ngay.

3. Đề phòng ngừa, hạn chế tai nạn giao thông đường sắt, đường bộ, đề nghị địa phương:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động quần chúng nghiêm chỉnh chấp hành Luật đường sắt; không mở các đường đi trái phép qua đường sắt, việc mở đường ngang phải thực hiện theo quy định tại Thông tư số 62/2015/TT-BGTVT ngày 04/11/2015 của Bộ Giao thông Vận tải;

- Phối hợp cùng đơn vị đường sắt tổ chức kiểm tra việc chấp hành Luật Đường sắt và Quy chế phối hợp giữa Bộ Giao thông Vận tải và Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa và Công điện số 03/CD-UBATGTQG ngày 04/02/2017 của Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia để tổ chức cảnh giới, chốt gác bổ sung tại các lối đi dân sinh có nguy cơ cao xảy ra tai nạn giao thông; Phối hợp chặt chẽ với đơn vị đường sắt trong công tác rào, đóng, thu hẹp và quản lý lối đi dân sinh.

## **II. Lĩnh vực Văn hóa – Xã hội**

*1. Công trình nghĩa trang Liệt sỹ huyện Tĩnh Gia được xây dựng từ năm 1974, đến nay một số hạng mục đã xuống cấp. Cử tri và nhân dân đề nghị Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hỗ trợ kinh phí cải tạo, nâng cấp để nghĩa*

*trang liệt sỹ huyện trở thành công trình văn hóa – tâm linh đáp ứng đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thăm viếng của thân nhân gia đình liệt sỹ*

**Trả lời:** (Công văn số 3647/LĐTBXH-VP ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)

Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 03/6/2014 của liên Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình đối với người có công với cách mạng và thân nhân, quản lý các công trình ghi công liệt sỹ, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa căn cứ dự toán được Bộ giao thực hiện công tác mộ, nghĩa trang liệt sỹ cho tỉnh, chủ trì lập phương án phân bổ kinh phí để trình Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa phê duyệt.

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sẽ chỉ đạo Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa rà soát và phân bổ kinh phí để thực hiện tu bổ, sửa chữa Nghĩa trang Liệt sỹ huyện Tĩnh Gia theo quy định.

**2. Qua triển khai thực hiện một số chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo, hộ nghèo như: hỗ trợ tiền điện, hỗ trợ muối, bột canh theo Quyết định 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009, Quyết định số 268/QĐ-TTg ngày 23/02/2011, Quyết định số 60/2014/QĐ-TTg ngày 30/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ, cho thấy các chính sách này thường chỉ hỗ trợ một phần rất nhỏ, không đủ để tạo sức bật và chuyển biến rõ rệt về kinh tế và đời sống của các hộ nghèo. Mặt khác, các chính sách này cũng tạo ra tâm lý trông chờ, ỷ lại của người nghèo vào hỗ trợ của Nhà nước. Đề nghị Chính phủ xem xét, hạn chế các chính sách hỗ trợ trực tiếp, nhỏ lẻ như trên để tập trung hỗ trợ nguồn lực xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng thiết yếu cho các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và hỗ trợ thông qua các dự án phát triển sản xuất để nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững.**

**Trả lời:** (Công văn số 3316/LĐTBXH-VP ngày 10 tháng 8 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã và đang tích cực phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục đẩy mạnh việc rà soát, tích hợp, sửa đổi chính sách giảm nghèo, sắp xếp, điều chỉnh theo hướng tập trung chính sách, nguồn lực, khắc phục sự chồng chéo, trùng lặp; đề xuất bãi bỏ những chính sách có mức hỗ trợ nhỏ lẻ, hiệu quả thấp, không còn phù hợp với thực tiễn, đề xuất các giải pháp thực hiện Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2016 – 2020

(Công văn số 2100/LĐTBOXH-VPOGGN ngày 29/5/2017 lấy ý kiến góp ý, thống nhất của các Bộ ngành liên quan, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, tích hợp chính sách giảm nghèo 2017 – 2018), cụ thể như sau:

Về chính sách hỗ trợ đối với đồng bào dân tộc thiểu số: Đề xuất bãi bỏ Quyết định 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn.

Về chính sách hỗ trợ tiền điện: Sửa đổi về cơ chế chi trả việc hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo theo Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện theo hướng chuyển đổi phương thức hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo (thông qua thanh toán tiền điện trực tiếp cho cơ quan điện lực) để tạo điều kiện thuận lợi cho hộ thụ hưởng chính sách.

***3. Cử tri đề nghị quan tâm hơn nữa về vấn đề đảm bảo an sinh xã hội, vì thực tiễn hiện nay đa số lĩnh vực, ngành nghề được đào tạo cho người lao động nông thôn không phù hợp, gây lãng phí ngân sách Nhà nước, cử tri kiến nghị Chính phủ và các bộ, ngành trung ương cần xem xét chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn.***

***Trả lời:*** (Công văn số 3330/LĐTBOXH-VP ngày 10 tháng 8 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)

Để nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành xây dựng, trình Chính phủ đưa nội dung đào tạo nghề cho lao động nông thôn vào Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016). Trong đó, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thực hiện chức năng quản lý nhà nước, chịu trách nhiệm chung và chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo về đào tạo nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả, hiệu quả đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm về kết quả, hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn.

Để đảm bảo đạt kết quả, hiệu quả trong công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã có Văn bản số 921/LĐTBOXH-TCDN ngày 14/3/2017 gửi các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương, trong đó nêu nhiệm vụ cụ thể của các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương trong

việc tổ chức thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn; Văn bản số 922/LĐTĐBXH-TCDN ngày 14/3/2017 gửi các địa phương hướng dẫn thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2017, trong đó yêu cầu các địa phương rà soát danh mục nghề đào tạo, đánh giá thực hiện Đề án và chỉ tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn khi dự báo được nơi làm việc và mức thu nhập của người lao động sau khi học nghề.

**4. Cử tri Trường Đại học Hồng Đức đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên lên giảng viên chính.**

**Trả lời:** (Công văn số 3560/BGDĐT-VP ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)

Thực hiện Luật viên chức, Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập tại Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ, ngày 28/3/2016 Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Công văn số 1249/BGDĐT-NGCB gửi Bộ Nội vụ về việc tổ chức thi thăng hạng năm 2016 và kèm theo Đề án thí điểm thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập. Ngày 15/4/2016, Bộ Nội vụ đã có Công văn số 1732/BNV-CCVC trả lời thống nhất tổ chức thí điểm thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I), giảng viên chính (hạng II) năm 2016.

Trên cơ sở ý kiến của Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Công văn số 2102/BGDĐT-NGCB ngày 13/5/2016 gửi các Bộ, ngành, địa phương về việc tổ chức thi thăng hạng năm 2016. Ngày 17/7/2016, Bộ Nội vụ có Công văn số 4325/BNV-CCVC thay thế Công văn số 1732/BNV-CCVC, trong đó yêu cầu tất cả giảng viên trước khi dự thi thăng hạng phải được bồi dưỡng và cấp chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp (quy định tại Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV).

Đến ngày 16/6/2017, Bộ Nội vụ đã giao nhiệm vụ tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở công lập cho 15 cơ sở đào tạo, bồi dưỡng đủ điều kiện. Hiện nay, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng được giao nhiệm vụ đang triển khai tổ chức bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy.

Vì lý do đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa tổ chức được kỳ thi thăng hạng như dự kiến trong năm 2016. Ngày 27/10/2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Công văn số 5348/BGDĐT-NGCB về việc lùi thời gian thi gửi tới các Bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục đại học đã đăng ký dự thi.

Ngày 21/7/2017, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 18/2017/TT-BGDĐT quy định điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập. Việc tổ chức thi thăng hạng được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

**5. Cử tri Thanh Hóa đề nghị Chính phủ sớm cho thi công tuyến đường cao tốc Bắc – Nam đoạn qua địa bàn tỉnh, vì hiện nay trên Quốc lộ 1A lượng phương tiện giao thông quá lớn, thường xuyên gây ách tắc giao thông trên địa bàn.**

**Trả lời:** (Công văn số 9237/BGTVT-ĐTCT ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải về việc trả lời kiến nghị của cử tri tỉnh Thanh Hóa gửi đến kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)

Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của đất nước cũng như các địa phương. Thực hiện Nghị quyết số 26/2016/QH14 ngày 10/11/2016 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 và chỉ đạo của Bộ Chính trị, Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải đang khẩn trương hoàn thiện báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam (sau đây gọi tắt là Dự án) theo quy định của pháp luật để trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư. Sau khi được thông qua chủ trương đầu tư, Bộ Giao thông Vận tải sẽ hoàn thiện các thủ tục để sớm triển khai thực hiện, trong đó có đoạn qua địa phận tỉnh Thanh Hóa.

Bộ Giao thông Vận tải đề nghị cử tri, các cơ quan của tỉnh Thanh Hóa quan tâm phối hợp, đặc biệt trong công tác giải phóng mặt bằng để triển khai thi công, sớm đưa Dự án vào khai thác, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương.

**6. Cử tri xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn đề nghị đầu tư nâng cấp đường nối từ Quốc lộ 217 đến bản Na Hồ, bản Sủa và bản Na Phường; xây dựng cầu cứng qua sông Luồng tại địa phận bản Na Hồ, xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn để thuận tiện giao thông, nhân dân có điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa – xã hội, giữ gìn an ninh – quốc phòng.**

*Cử tri huyện Quan Sơn đề nghị Nhà nước đầu tư xây dựng cầu cứng ở bản Păng (khu vực đã được quy hoạch mở rộng thị trấn Quan Sơn); đầu tư xây dựng cầu treo sang khu Piềng Thín thuộc địa phận bản Bon để tạo điều kiện thuận lợi cho việc giãn dân và phát triển kinh tế - xã hội.*

**Trả lời:** (Công văn số 9480/BGTVT-KHĐT ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)

1. Về các công trình đường nối từ Quốc lộ 217 đến bản Na Hồ, bản Sủa và bản Na Phường; cầu cứng qua sông Luồng tại địa phận bản Na Hồ, xã Sơn Điện; cầu cứng ở bản Păng; cầu treo sang khu Piềng Thín thuộc địa phận bản Bon, huyện Quan Sơn: Các công trình nêu trên đều thuộc phạm vi quản lý, đầu tư của UBND tỉnh Thanh Hóa. Đề nghị UBND tỉnh Thanh Hóa chủ động bố trí ngân sách địa phương hoặc huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai thực hiện. Trường hợp ngân sách địa phương khó khăn, đề nghị UBND tỉnh Thanh Hóa báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét hỗ trợ vốn từ ngân sách Trung ương cho đầu tư xây dựng công trình.

2. Hiện nay, Bộ GTVT đang triển khai Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương – LRAMP, trong đó trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa triển khai thực hiện 02 hợp phần: Hợp phần đường có tổng chiều dài 5 tuyến/58,3km/TMĐT 225 tỷ đồng và Hợp phần cầu có tổng số 21 cầu/TMĐT 178 tỷ đồng. Do các công trình được cử tri đề nghị đầu tư không thuộc danh mục đã được địa phương rà soát và đề nghị đầu tư xây dựng trong dự án LRAMP nên Bộ GTVT đề nghị UBND huyện Quan Sơn, Sở GTVT Thanh Hóa thực hiện rà soát, đánh giá về sự đáp ứng tiêu chí, mức độ cấp bách cần đầu tư xây dựng, báo cáo UBND tỉnh Thanh Hóa để đề xuất bổ sung, điều chỉnh lại danh mục (nếu cần) trên nguyên tắc không vượt nguồn vốn của dự án được phân bổ cho tỉnh Thanh Hóa.

*7. Cử tri bức xúc vì thời gian gần đây xảy ra nhiều vụ bạo hành trẻ em, xâm hại tình dục đối với trẻ em làm cho người dân lo lắng. Cử tri đề nghị các cơ quan chức năng có chính sách bảo vệ trẻ em; đồng thời, xử lý thật nghiêm đối với loại tội phạm này; thường xuyên thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục đối với gia đình, xã hội, các em học sinh, sinh viên để có thể tự bảo vệ mình, bảo vệ con em của mình.*

**Trả lời:** (Công văn số 3146/LĐTĐBXH-BP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)

Một số giải pháp phòng, chống bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em

- Nghiên cứu, xây dựng, ban hành và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến bảo vệ trẻ em, trong đó có những nội dung liên quan tới việc thực hiện phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em đã được cụ thể hóa trong Luật trẻ em năm 2016 và Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em. Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 16/5/2017 về việc tăng cường giải pháp phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em; Quyết định số 565/QĐ-TTg ngày 25/4/2017 phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2020, trong đó dự án 2: Phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em. Phối hợp xây dựng Thông tư liên tịch quy định việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về thủ tục tố tụng đối với vụ án có người dưới 18 tuổi.

- Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và truyền thông về bảo vệ trẻ em; giáo dục kiến thức, hướng dẫn kỹ năng bảo vệ trẻ em, đặc biệt về phòng ngừa bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em cho cha, mẹ, các thành viên gia đình, giáo viên, người chăm sóc trẻ em, người trực tiếp làm việc với trẻ em. Phát động thực hiện Tháng hành động vì trẻ em năm 2017 trên toàn quốc với chủ đề “Triển khai Luật trẻ em và phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em”. Tổ chức Diễn đàn trẻ em quốc gia để trẻ em nói lên ý kiến, nguyện vọng của trẻ em và các cơ quan, tổ chức lấy ý kiến của trẻ em về những vấn đề liên quan đến trẻ em.

- Thiết lập Tổng đài điện thoại quốc gia trên cơ sở Đường dây Tư vấn và hỗ trợ trẻ em (số điện thoại 18001567) do Cục Trẻ em thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý để tiếp nhận thông tin, thông báo, tố giác vụ việc xâm hại trẻ em.

- Đôn đốc, kiểm tra, thanh tra việc giải quyết, xử lý các vấn đề, vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em phức tạp, được xã hội, cộng đồng dân cư quan tâm.

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác bảo vệ trẻ em, trong đó có việc phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em, các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương và địa phương cần tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định của pháp luật, chính sách, chương trình liên quan đến bảo vệ trẻ em, đặc biệt là các nội dung chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 16/5/2017 về việc tăng cường giải pháp phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em.

**8. Cử tri ngành Văn hóa đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra xem xét giải quyết để số viên chức làm việc liên tục tại miền núi, vùng đặc biệt**



**khó khăn được hưởng chế độ phụ cấp khu vực, phụ cấp thu hút, đảm bảo sự công bằng, không bỏ sót đối tượng thụ hưởng.**

**Trả lời:** (Công văn số 4737/BNV-TL ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Bộ Nội vụ về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới sau Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)

1. Về chế độ phụ cấp thu hút quy định tại Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn:

Thực hiện ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ tại công văn số 1906/VPCP-KTTH ngày 02 tháng 3 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về việc tổng kết 03 Nghị định của Chính phủ, gồm: Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2006 về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 19/2013/NĐ-CP ngày 23/02/2013); Nghị định số 64/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2009 về chính sách đối với cán bộ, viên chức y tế công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, Bộ Nội vụ đã có Công văn số 2006/BNV-TL ngày 14 tháng 4 năm 2017 đề nghị các Bộ, cơ quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Nghị định số 116/1010/NĐ-CP; Nghị định số 61/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 19/2013/NĐ-CP); Nghị định số 64/2009/NĐ-CP và gửi báo cáo về Bộ Nội vụ, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp. Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã có Văn bản số 67/BC-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2017 về tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ (kèm theo), trong đó đã báo cáo cán bộ, công chức, viên chức và người lao động công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc địa bàn tỉnh Thanh Hóa được áp dụng vào phụ cấp thu hút mức 70% tiền lương hàng tháng hiện hưởng, cụ thể:

- Tổng số đối tượng được hưởng chính sách: 57.867 người.
- Tổng số địa bàn áp dụng chính sách: 21 huyện, 151 xã, 197 thôn.
- Kinh phí thực hiện: 1.428.296.412 đồng.

Như vậy, theo báo cáo tại Văn bản số 67/BC-UBND nêu trên thì viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đều được hưởng phụ cấp thu hút quy định tại Nghị định số 116/2010/NĐ-CP, Nghị định số 61/2006/NĐ-CP và Nghị định số 64/2009/NĐ-CP của Chính phủ.

## 2. Về chế độ phụ cấp khu vực:

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và Ủy ban Dân tộc đã ban hành Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2005 hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực, trong đó cán bộ, công chức, viên chức (kể cả viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập ngành văn hóa) công tác tại địa bàn xã của tỉnh Thanh Hóa được hưởng phụ cấp khu vực quy định tại phụ lục mức phụ cấp khu vực của các địa phương, đơn vị ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND.

**9. Về tăng cường thanh tra, xử lý vi phạm trong việc đóng BHXH cho người lao động:** *Hiện nay, còn nhiều doanh nghiệp cố tình tránh, chiếm dụng, chậm trích nộp BHXH cho người lao động theo quy định. Mặc dù cơ quan BHXH đã nhiều lần đến tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp thực hiện đầy đủ chính sách BHXH cho người lao động nhưng vẫn còn nhiều vẫn cố tình né tránh, không nộp BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động dưới nhiều hình thức. Đề nghị ban hành quy định cơ chế xử lý nợ BHXH, BHTN, những khoản nợ không có khả năng thu hồi của doanh nghiệp đã giải thể, phá sản, dừng hoạt động do chủ sử dụng lao động bỏ trốn, mất tích, doanh nghiệp khó khăn nợ kéo dài chưa được xử lý để đảm bảo quyền lợi về BHXH của người lao động; đồng thời, chỉ đạo tăng cường thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành và tiến hành kiểm tra đột xuất tình hình thực hiện pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN tại các doanh nghiệp chậm nộp BHXH kéo dài; cần có chế tài xử lý mạnh hơn nữa đối với các đơn vị cố tình chây ì, nợ đọng BHXH, BHYT, BHTN để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động.*

**Trả lời:** (Công văn số 3623/LĐTBXH-VP ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới sau kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)

1. Về tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội

Để hạn chế tình trạng nợ đóng, chậm đóng bảo hiểm xã hội nhằm bảo vệ quyền lợi của người lao động, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 đã sửa đổi, bổ sung nhiều nội dung nhằm tăng tính tuân thủ pháp luật, hạn chế tình trạng trốn đóng, nợ đóng bảo hiểm xã hội như: Quy định về quyền của người lao động định kỳ được cung cấp thông tin về đóng bảo hiểm xã hội; quyền thanh tra chuyên ngành việc đóng bảo hiểm xã hội cho cơ quan bảo hiểm xã hội; quyền của tổ chức công đoàn khởi kiện ra Tòa án đối với hành vi vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động; tăng mức lãi đối với số tiền chậm đóng bảo hiểm xã hội lên bằng 02 lần mức lãi suất đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội bình quân của năm trước liền kề tính trên số tiền, thời gian chậm đóng; bổ sung thêm quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong tuyên truyền, vận động, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội. Đặc biệt, Bộ luật hình sự (sửa đổi) đã được Quốc hội khóa III, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27/11/2015 đã bổ sung tội danh trốn đóng bảo hiểm xã hội. Theo đó, đối với tội danh vi phạm trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội ngoài việc bị phạt tiền, có thể bị phạt tù đến 10 năm.

Ngoài ra, ngày 26/12/2016 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 34/CT-TTg về tăng cường thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, trong đó Thủ tướng Chính phủ cũng đã yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm tăng tính tuân thủ trong tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, yêu cầu doanh nghiệp tham gia bảo hiểm xã hội đầy đủ cho người lao động; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về bảo hiểm xã hội, trong đó tập trung thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm đối với các đơn vị, doanh nghiệp cố tình trốn đóng, nợ đóng bảo hiểm xã hội.

Trong thời gian tới, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sẽ tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương đôn đốc, chỉ đạo các cơ quan chức năng ở địa phương tăng cường phối hợp thực hiện đồng bộ các giải pháp; tăng cường công tác thanh tra, đào tạo nghiệp vụ cho đội ngũ thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành bảo hiểm xã hội nhằm hạn chế tình trạng trốn đóng, nợ đóng bảo hiểm xã hội.

## 2. Về cơ chế xử lý nợ bảo hiểm xã hội

Trước tình trạng doanh nghiệp có chủ bỏ trốn; doanh nghiệp trốn, nợ đóng bảo hiểm xã hội; doanh nghiệp giải thể, phá sản không giải quyết chế độ cho người lao động, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã báo cáo Chính phủ các phương án để đảm bảo quyền lợi của người lao động. Chính phủ đã giao Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội xây dựng Nghị định quy định về

quản lý thu nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo đảm quyền lợi của người lao động.

Hiện nay, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đang tổng hợp ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương để tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo Nghị định trước khi trình Thủ tướng Chính phủ.

**10. Cử tri Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Thanh Hóa đề nghị Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Thanh Hóa vào danh sách được đầu tư thành trường chất lượng cao giai đoạn 2016 – 2020.**

**Trả lời:** (Công văn số 3627/LĐTBXH-VP ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới sau kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)

Hiện nay, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đang tiến hành rà soát thực trạng và đánh giá kết quả 03 năm thực hiện Quyết định số 761/QĐ-TTG ngày 23/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020” và qua đó, đề xuất Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung danh sách các trường được lựa chọn để ưu tiên đầu tư tập trung, đồng bộ theo tiêu chí trường chất lượng cao đến năm 2020.

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ghi nhận đề xuất của cử tri Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Thanh Hóa để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

**11. Đề nghị Chính phủ tiếp tục thực hiện quyết liệt các biện pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc bố trí cán bộ, công chức, nhất là đối với chức năng lãnh đạo ở các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, chính quyền địa phương; xử lý nghiêm các cá nhân, tập thể vi phạm (kể cả những trường hợp vi phạm trong quá trình công tác trước đây đã về hưu); làm rõ trách nhiệm người đứng đầu khi để xảy ra sai phạm; các vụ việc tham nhũng, sau khi xử lý cần tập trung thu hồi tài sản nhà nước bị chiếm dụng; công khai tài sản nhà nước niêm phong, thu hồi đối với tổ chức, cá nhân vi phạm; tiếp tục chỉ đạo các ngành chức năng tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng.**

**Trả lời:** (Công văn số 2183/TTCP-KHTCTH ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Thanh tra Chính phủ về việc trả lời kiến nghị của cử tri tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)

Nhận thức rõ tác hại nghiêm trọng của vấn nạn này, Đảng, Nhà nước xác định việc đấu tranh phòng, chống tham nhũng là vấn đề cấp bách, thường xuyên và lâu dài nhằm ổn định lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, là nhiệm vụ chính trị nhằm làm trong sạch bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội. Chính phủ xác định PCTN vẫn là nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên, cần được tiếp tục quan tâm chỉ đạo thực hiện quyết liệt hơn. Các cấp, các ngành phải triển khai đồng bộ các giải pháp PCTN, có xác định trọng tâm, trọng điểm trong từng giai đoạn và xác định rõ lộ trình thực hiện, thời gian hoàn thành các nhiệm vụ cụ thể; thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện. Các cấp ủy đảng, cán bộ chủ chốt, nhất là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải đi đầu, làm trước và phải thật sự gương mẫu để cấp dưới và nhân dân noi theo.

Tại các phiên họp hằng quý, Chính phủ đều nghe báo cáo và có chỉ đạo về công tác PCTN; hằng năm Chính phủ đều có báo cáo, công khai trước Quốc hội và nhân dân về kết quả công tác PCTN.

Một trong những giải pháp trọng tâm Chính phủ đang quan tâm thực hiện trong thời gian tới là nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử trong việc phòng ngừa, phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng; xử lý kiên quyết, kịp thời các hành vi tham nhũng, bất kể người có hành vi tham nhũng là ai, ở vị trí nào. Kiên quyết thu hồi triệt để tài sản của Nhà nước, tập thể, cá nhân bị những kẻ tham nhũng chiếm đoạt; kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị về PCTN ở Trung ương và các cấp, các ngành.

*- Đối với vấn đề xử lý trách nhiệm người đứng đầu khi để xảy ra sai phạm:*

Theo báo cáo của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan, 6 tháng đầu năm 2017 có 04 người; năm 2016 có 11 người; năm 2015 đã có 46 người đứng đầu thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng đã bị xử lý (trong đó 04 người bị xử lý hình sự, 37 người bị xử lý kỷ luật với các hình thức cách chức, khiển trách, cảnh cáo; 05 người đang xem xét các hình thức xử lý). Đây cũng là hạn chế mà Chính phủ đã nghiêm túc chỉ ra khi tổng kết 10 năm thực hiện Luật PCTN. Số người đứng đầu bị xử lý trách nhiệm khi để xảy ra tham nhũng còn ít so với số vụ việc tham nhũng được phát hiện, nguyên nhân là còn có sự bao che, thiếu kiên quyết, né nang, né tránh trong xử lý. Mặt khác, biện pháp phòng ngừa này trong nhiều trường hợp lại đặt người đứng đầu vào tình huống xung đột lợi ích. Nếu tích

cực kiểm tra, phát hiện tham nhũng trong nội bộ, thì có thể bị đối mặt với việc bị xử lý trách nhiệm hoặc ảnh hưởng đến uy tín, thành tích của bản thân và đơn vị.

Giải pháp:

(1) Tiếp tục hoàn thiện quy định trách nhiệm người đứng đầu, trong đó xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng;

(2) Làm rõ và xử lý nghiêm trách nhiệm của người đứng đầu để xảy ra các vụ án tham nhũng, nhất là những vụ việc nghiêm trọng, gây thiệt hại lớn.

(3) Miễn, giảm trách nhiệm và khi cần thiết sẽ biểu dương đối với những người đứng đầu đã chủ động phát hiện, xử lý nghiêm hành vi tham nhũng trong phạm vi quản lý.

(4) Tăng cường kiểm tra, xử lý, không bao che, nương nhẹ đối với những biểu hiện tiêu cực, tham nhũng trong nội bộ. Kiên quyết, quyết tâm cao trong xử lý trách nhiệm người đứng đầu.

Hiện nay, Chính phủ cũng đã có những đề xuất sửa đổi Luật PCTN về nội dung này để khắc phục những hạn chế nêu trên.

- Về tiếp tục thực hiện quyết liệt các biện pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc bố trí cán bộ, công chức, nhất là đối với chức năng lãnh đạo ở các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, chính quyền địa phương

Hiện nay, thể chế, chính sách về quản lý kinh tế - xã hội trên nhiều lĩnh vực vẫn còn bất cập; công khai, minh bạch còn hạn chế, chưa xóa bỏ được cơ chế “xin, cho”, là điều kiện dung dưỡng và làm nảy sinh tham nhũng, nhất là trên lĩnh vực quản lý đất đai, đầu tư xây dựng, quản lý ngân sách, vốn, tài sản nhà nước, tổ chức – cán bộ, tín dụng, ngân hàng... Để công tác PCTN hiệu quả, ngăn chặn và đẩy lùi được tệ nạn tham nhũng đòi hỏi phải có quyết tâm chính trị cao và sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị. Đặc biệt là phải đề cao vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát huy vai trò, trách nhiệm, sự chủ động và hiệu quả phối hợp công tác của các cơ quan chức năng PCTN, đồng thời thực hiện đồng bộ các biện pháp:

+ Xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về PCTN đồng bộ, thống nhất, khả thi, đề cao trách nhiệm tổ chức thi hành của các cấp, các ngành và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

+ Hoàn thiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo hướng làm rõ loại thông tin phải chủ động công bố, công khai; mở rộng nội dung thông tin cung cấp theo yêu cầu theo hướng tăng cường tính tự giác và chế tài nghiêm khắc.

+ Hoàn thiện cơ chế phát hiện hành vi tham nhũng theo hướng phát huy mạnh mẽ các công cụ giám sát, kiểm tra của đảng, kiểm toán nhà nước, thanh tra nhà nước và tăng cường phối hợp giữa các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, kiểm sát, xét xử trong phát hiện tham nhũng; quy định việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn của cơ quan có thẩm quyền nhằm tránh tẩu tán tài sản và các biện pháp thu hồi tài sản tham nhũng ngoài quy trình tố tụng hình sự.

+ Hoàn thiện quy định của pháp luật nhằm tích cực phát huy vai trò của báo chí trong phát hiện tham nhũng, gắn với trách nhiệm của cơ quan báo chí trong việc phối hợp, cung cấp thông tin, tài liệu cho cơ quan chức năng để phục vụ việc xem xét, xử lý vụ việc tham nhũng mà báo chí đã phát hiện, đăng tải.

+ Xây dựng cơ chế phối hợp với Kiểm toán Nhà nước, cơ quan công an, các cơ quan liên quan đến công tác PCTN trong xây dựng kế hoạch thanh tra, PCTN; tăng cường sự điều hành thống nhất trong toàn ngành; đồng thời phải có sự phối hợp để lập đoàn liên ngành thanh tra, kiểm tra những lĩnh vực cùng chịu sự quản lý của nhiều bộ.

*- Xử lý nghiêm các cá nhân, tập thể vi phạm (kể cả những trường hợp vi phạm trong quá trình công tác trước đây đã về hưu)*

Để xử lý tốt vấn đề nêu trên, Chính phủ đã chỉ đạo việc tổng kết và đánh giá, sửa đổi Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; khẩn trương bổ sung quy định về việc xử lý nghiêm đối với cán bộ công chức, viên chức có vi phạm, kể cả khi đã thôi việc, nghỉ hưu. Hoàn thiện các quy định về công tác cán bộ, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, chặt chẽ giữa các khâu và liên thông giữa các cấp, đẩy mạnh quy hoạch cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ sau quy hoạch; triển khai thực hiện việc đổi mới phương thức tuyển chọn cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là người đứng đầu theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch; xây dựng cơ chế, chính sách phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài để xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, có phẩm chất và uy tín, đủ năng lực, ngang tầm nhiệm vụ trong tình hình mới; xây dựng quy định về thực hiện chế độ hợp đồng có thời hạn đối với viên chức Nhà nước.

*- Kết quả giải quyết các vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài*

Các cơ quan hành chính nhà nước đã cơ bản hoàn thành Kế hoạch số 1130/KH-TTTP của Thanh tra Chính phủ (giải quyết đạt tỷ lệ 99,62%); tiếp tục thực hiện Kế hoạch 2100/KH-TTTP ngày 19/9/2013 của Thanh tra Chính phủ và rà soát các vụ việc đông người, phức tạp theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Đối với việc thực hiện kế hoạch 2100, qua tổng hợp báo cáo của các địa

phương, hiện nay cả nước có 533 vụ việc khiếu nại, tố cáo còn tồn đọng, phức tạp cần đưa vào diện rà soát; đến nay đã xem xét, giải quyết được 449/533 vụ việc (đạt 84,24%), trong đó đã ban hành thông báo chấm dứt giải quyết 261 vụ việc, đang chờ ra thông báo chấm dứt 176 vụ việc, công dân khởi kiện ra tòa 12 vụ việc. Còn lại 84 vụ việc đang được tập trung giải quyết.

Thanh tra Chính phủ tổ chức Hội nghị giao ban về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo đồng người tại Quảng Ninh (đối với các tỉnh Miền Bắc), tại Bình Định (đối với các tỉnh Miền Trung), tại TP. Hồ Chí Minh (đối với các tỉnh Miền Nam) và tại Hà Nội (đối với các bộ, ngành Trung ương). Thông qua các Hội nghị này, Thanh tra Chính phủ và các bộ, ngành địa phương đã thảo luận, thống nhất nhiều giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo đồng người, phức tạp.

Thanh tra Chính phủ đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ và được Thủ tướng Chính phủ đồng ý, chỉ đạo Thanh tra Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện các giải pháp do Thanh tra Chính phủ đề xuất tại văn bản số 191/BC-TTCP ngày 27/7/2017.

**12. Hiện nay, Công ty Xi măng Bỉm Sơn đang quản lý 88 nguồn phóng xạ phải bảo quản nghiêm ngặt vì nếu rò rỉ hoặc mất mát sẽ rất nguy hiểm cho xã hội, chi phí bảo quản và kiểm định rất cao. Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương thu hồi hoặc có hướng giải quyết.**

**Trả lời:** (Công văn số 2970/BKH-CN-VP ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc trả lời kiến nghị của cử tri tỉnh Thanh Hóa)

1. 88 nguồn phóng xạ Cs-137 đã qua sử dụng của Công ty Cổ phần xi măng Bỉm Sơn đã được Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy phép lưu trữ tại kho nguồn của Công ty bảo đảm các điều kiện về an toàn bức xạ và an ninh nguồn phóng xạ (Giấy phép số 320/GP-ATBXHN ngày 30/7/2015, có thời hạn đến ngày 31/7/2018);

2. Ngày 22/8/2015, Bộ Khoa học và Công nghệ đã cử đoàn công tác đến làm việc với Công ty Cổ phần xi măng Bỉm Sơn để kiểm tra, đánh giá thực trạng công tác quản lý an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ tại cơ sở và đề xuất phương án giải quyết đối với việc lưu trữ các nguồn phóng xạ nêu trên. Sau khi xem xét, đo đạc thực tế tại kho lưu trữ nguồn phóng xạ của Công ty Cổ phần xi măng Bỉm Sơn, Đoàn công tác đánh giá kho chứa nguồn phóng xạ của Công ty hiện tại bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ, suất liều bức xạ bên ngoài kho bảo đảm an toàn và không có hiện tượng rò rỉ chất phóng xạ nguy cơ gây ô nhiễm cho con người và môi trường như thông tin đã nêu;



3. Đồng thời, Bộ KH&CN đang chỉ đạo Cục An toàn bức xạ và hạt nhân hỗ trợ Công ty Cổ phần xi măng Bim Sơn trong việc quản lý các nguồn phóng xạ này bằng phương án điều kiện hóa (gom và bê tông hóa trong thùng chứa) các nguồn phóng xạ này nhằm tăng cường công tác bảo đảm an toàn, an ninh, tránh các khả năng mất mát nguồn phóng xạ gây ảnh hưởng xấu đến tâm lý cộng đồng xã hội. Các nguồn phóng xạ sau khi điều kiện hóa vẫn tiếp tục được lưu giữ trong kho nguồn của cơ sở;

4. Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ thông báo, hướng dẫn chi tiết Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn thực hiện điều kiện hóa các nguồn phóng xạ khi dự án hỗ trợ của IAEA được triển khai tại Việt Nam (dự kiến triển khai vào đầu năm 2018).

***13. Việc hỗ trợ hộ nghèo theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đề nghị Ngân hàng Chính sách phân bổ chỉ tiêu kế hoạch tín dụng sớm theo đúng kế hoạch và phân bổ vào đầu các năm kế hoạch để đảm bảo thực hiện theo đúng kế hoạch đã đề ra.***

***Trả lời:*** (Công văn số 4098/NHCS-TDNN ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Ngân hàng Chính sách xã hội về việc trả lời kiến nghị của cử tri sau kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)

Chương trình hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ với mục tiêu thực hiện hỗ trợ nhà ở cho khoảng 311.000 hộ nghèo ở khu vực nông thôn trong giai đoạn 2016 – 2020, NHCSXH xây dựng kế hoạch vốn ngân sách nhà nước cấp năm 2016 và 2017 là 1.167 tỷ đồng, giai đoạn 2016 – 2020 là 3.869 tỷ đồng tại văn bản số 3186/NHCS-KHNV ngày 21/9/2015 về việc kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 – 2020 của NHCSXH và văn bản số 95/NHCS-HĐQT ngày 25/12/2015 về xây dựng kế hoạch tín dụng, tài chính và xây dựng cơ bản 5 năm giai đoạn 2016 – 2020.

Tuy nhiên, tại Văn bản số 102/UBTVQH14-TCNS ngày 26/4/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phương án phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 đối với phần còn lại, NHCSXH không được bố trí cấp vốn thực hiện chương trình này cho cả giai đoạn 2016 – 2020.

Nhằm phát huy hiệu quả thiết thực của chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở, trong thời gian qua, NHCSXH đã báo cáo Bộ, ngành liên quan, trình Thủ tướng Chính phủ sử dụng nguồn vốn chưa giải ngân còn tồn của một số chương trình tín dụng để cho vay và hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg. Ngày 17/4/2017, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 4305/VPCP-KTTD về sử dụng nguồn vốn tín dụng chính sách, thông báo ý

kiến của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ đồng ý sử dụng nguồn vốn chưa giải ngân còn tồn đến 31/12/2016 của một số chương trình tín dụng chính sách tổng số là 843,5 tỷ đồng và nguồn vốn thu hồi nợ đến hạn để cho vay hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg.

Trên cơ sở đó, NHCSXH đã giao chỉ tiêu kế hoạch đến chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố và chỉ đạo các đơn vị tập trung thực hiện kế hoạch tín dụng chương trình hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg. Đến ngày 30/6/2017, dư nợ thực hiện chương trình này đạt 605 tỷ đồng, tăng 227 tỷ đồng (+60%) so với cuối năm 2016, góp phần xây dựng gần 9,6 nghìn căn nhà ở cho hộ nghèo, hỗ trợ các hộ nghèo ổn định cuộc sống, phát triển sản xuất, vươn lên thoát nghèo.

**14. Đề nghị Chính phủ xem xét, giải quyết dứt điểm tranh chấp địa giới hành chính giữa xã Phú Thanh, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa với xã Vạn Mai, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.**

**Trả lời:** (Công văn số 4935/BNV-CQĐP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Bộ Nội vụ về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới sau Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)

Giữa tỉnh Thanh Hóa và tỉnh Hòa Bình có 01 khu vực tranh chấp địa giới hành chính tồn tại từ năm 1995 (khi kết thúc thực hiện Chỉ thị số 364-CT ngày 06/11/1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về giải quyết những tranh chấp đất đai liên quan đến địa giới hành chính tỉnh, huyện, xã). Để giải quyết vấn đề này, Bộ Nội vụ đã có Tờ trình số 5010/TTr-BNV ngày 30/10/2015 báo cáo Chính phủ xem xét, trình Quốc hội quyết định phương án giải quyết tranh chấp giữa 2 địa phương. Ngày 24/11/2015, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 9840/VPVP-NC thông báo ý kiến chỉ đạo của Bí thư Ban Cán sự đảng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng về việc giao Bộ trưởng Bộ Nội vụ hoàn chỉnh văn bản báo cáo Ban Cán sự đảng Chính phủ và dự thảo Báo cáo của Ban Cán sự đảng Chính phủ trình xin ý kiến Bộ Chính trị trước khi trình Quốc hội. Thực hiện chỉ đạo của Bí thư Ban Cán sự đảng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, ngày 27/12/2016, Bộ Nội vụ đã thành lập Đoàn công tác liên ngành trung ương tiến hành nghiên cứu, khảo sát thực tế khu vực tranh chấp giữa 2 địa phương và đã có Tờ trình số 4180/TTr-BNV ngày 08/8/2017 xin ý kiến chỉ đạo của Ban Cán sự đảng Chính phủ để trình Bộ Chính trị theo quy định.

**15. Đề nghị cho người Kinh đã sống ổn định lâu năm trên miền núi được hưởng các chính sách của người dân tộc ít người.**

**Trả lời:** (Công văn số 2601/VKSTC-V14 ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về việc trả lời kiến nghị của cử tri)

Về chế độ chính sách dân tộc hiện nay áp dụng đối với vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn hiện nay được xác định theo 2 dạng:

- Dạng thứ 1: Chính sách áp dụng theo khu vực được áp dụng chung cho cả vùng, địa bàn và không phân biệt chính sách riêng cho người dân tộc thiểu số hay người Kinh. Nhà nước hiện nay có nhiều cơ chế, chính sách ưu tiên hơn đối với khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhằm thu hẹp khoảng cách giữa các vùng, miền; tăng thu nhập, giảm bớt khó khăn trong cuộc sống cho hộ dân tộc thiểu số nghèo, hộ nghèo vùng đặc biệt khó khăn (gồm cả người Kinh) như Chương trình 135, Nghị quyết 30<sup>a</sup>, Quyết định 102/2009/QĐ-TTg, Quyết định 2085/QĐ-TTg, Quyết định số 2156/QĐ-TTg... Bên cạnh đó, hiện nay Nhà nước đang đầu tư thực hiện 2 Chương trình mục tiêu quốc gia lớn là: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; trong đó, tập trung ưu tiên trước đối với các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn và đối tượng thụ hưởng trực tiếp là hộ dân thuộc các vùng này.

Tất cả chính sách dân tộc hiện nay được ban hành đều phải tuân thủ và phù hợp với quy định của pháp luật, mọi công dân đều có quyền bình đẳng như nhau (Không phân biệt dân tộc đa số hay thiểu số). Quyền bình đẳng giữa các dân tộc được thể hiện qua các chính sách đối với vùng dân tộc thiểu số, đảm bảo cho đối tượng người dân tộc thiểu số cũng như người dân tộc Kinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đều được hưởng ưu tiên như: cộng điểm thi đại học, ưu tiên xét tuyển, cộng điểm thi công chức, cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí... Ngoài ra, tại các thông tư, văn bản hướng dẫn thực hiện các chính sách đã quy định rõ về thời gian sinh sống trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi. Như vậy, với các chính sách hiện hành đang được thực hiện như hiện nay thì người dân sống ở các vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn đều được hưởng quyền lợi như nhau, không phân biệt là người Kinh hay người dân tộc thiểu số theo đúng như đề xuất của cử tri.

- Dạng thứ 2: Chính sách áp dụng riêng cho một số dân tộc cụ thể (với 16 dân tộc rất ít người) như: Quyết định 1672/QĐ-TTg ngày 26/9/2011 phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội vùng các dân tộc Mảng, La Hủ, Cống, Cờ Lao; Quyết định số 2086/QĐ-TTg về Chính sách phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2016 – 2025; Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ

trợ học tập đối với trẻ mồ côi, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người (16 dân tộc có dân số dưới 10.000 người)... Các chính sách này đều có mục tiêu phát triển sản xuất, nâng cao đời sống, kinh tế, văn hóa xã hội cho các dân tộc rất ít người, rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các dân tộc, đảm bảo duy trì giống nòi và giữ gìn bản sắc các dân tộc. Đây là các chính sách mang tính nhân văn của Đảng và Nhà nước đối với việc phát triển các dân tộc thiểu số trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

### **III. Về xây dựng pháp luật**

**1. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét tính hợp hiến, hợp pháp của Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC ngày 05/5/2013 về việc xét giảm án tha tù (văn bản hướng dẫn này đưa ra một số quy định hạn chế quyền công dân được Tòa án xem xét theo luật và Thông tư cũng không viện dẫn căn cứ pháp lý cụ thể nào)**

#### **Trả lời:**

Có 04 cơ quan đã trả lời vấn đề này bao gồm: Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Công an. Trong đó, nội dung trả lời của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao khác với nội dung trả lời của Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Công an; cụ thể:

**1. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trả lời tại Công văn số 2601/VKSTC-V14 ngày 14 tháng 7 năm 2017**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư liên tịch số 02/2013, một trong những nguyên tắc giảm thời hạn chấp hành án phạt tù là căn cứ vào nhân thân của phạm nhân. Đối với những phạm nhân bị kết án tử hình được ân giảm xuống tù chung thân, phạm nhân có nhiều tiền án, nhân thân xấu, lưu manh, côn đồ, tái phạm nguy hiểm thì phải có nhiều thời gian thử thách hơn và phải xem xét rất chặt chẽ với mức giảm thấp hơn so với phạm nhân khác. Khoản 4 Điều 6 Thông tư liên tịch này cũng quy định “*Phạm nhân có tiền án phải có thời gian thử thách nhiều hơn và có số kỳ xếp loại từ khá trở lên nhiều hơn so với những phạm nhân chưa có tiền án*”. Đối chiếu với quy định về giảm thời hạn chấp hành hình phạt tại Bộ luật hình sự năm 1999 (các điều 58, 59 và 76), Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 (Điều 268 và Điều 269), Luật thi hành án hình sự năm 2010 (Điều 33) cho thấy Thông tư liên tịch số 02/2013 đã hạn chế việc xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù của một số phạm nhân có tiền án; chưa phù hợp với tinh thần của Hiến pháp năm 2013 (Điều 14): “*quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật...*”.

Hiện nay, các cơ quan có thẩm quyền đang tiến hành tổng kết Luật thi hành án hình sự năm 2010, trên cơ sở đó sửa đổi, bổ sung Luật này cho phù

hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 và các luật về tư pháp mới được Quốc hội ban hành. Do vậy, Thông tư liên tịch nêu trên cũng sẽ được liên ngành tư pháp trung ương rà soát, xem xét trong quá trình sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án hình sự năm 2010.

## **2. Bộ Quốc phòng trả lời tại Công văn số 8358/BQP-ĐTTHS ngày 25 tháng 7 năm 2017**

### **2.1. Căn cứ pháp lý để ban hành Thông tư**

Căn cứ khoản 2, Điều 20, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) năm 2008 quy định: “Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ được ban hành thông tư liên tịch để hướng dẫn việc áp dụng thống nhất pháp luật liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan này” và theo Điều 25 Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015 thì “Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ được ban hành thông tư liên tịch để quy định về việc phối hợp giữa các cơ quan này trong thực hiện trình tự, thủ tục tố tụng”.

Căn cứ Điều 182 Luật thi hành án dân sự 2010 quy định: “Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật; hướng dẫn những nội dung cần thiết khác của Luật này để đáp ứng yêu cầu quản lý Nhà nước”; theo đó, để triển khai thực hiện Luật Thi hành án hình sự, ngày 05/01/2011 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 15/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thi hành án hình sự 2010, trong kế hoạch xây dựng văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành có giao nhiệm vụ xây dựng thông tư liên tịch của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thực hiện các quy định về giảm thời hạn chấp hành án phạt tù đối với phạm nhân. Do vậy ngày 15/05/2013, liên bộ đã ban hành Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT/BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC, hướng dẫn thi hành các quy định về giảm thời hạn chấp hành án phạt tù đối với phạm nhân (sau đây gọi là Thông tư liên tịch số 02).

Do đó, theo quy định Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2008 và năm 2015 thì việc ban hành Thông tư liên tịch số 02 là đúng thẩm quyền, đủ căn cứ pháp lý và thực hiện đúng Quyết định số 15/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

### **2.2. Về việc Thông tư 02 không viện dẫn căn cứ pháp lý cụ thể**

Qua kiểm tra, rà soát một số thông tư liên tịch của các bộ, ngành trước đây cũng như gần đây ban hành hướng dẫn thực hiện luật, bộ luật, trong đó có Luật Thi hành án hình sự năm 2010 cho thấy các Thông tư liên tịch đã ban hành đều được thể hiện với hình thức, thể thức như Thông tư liên tịch số 02 và đều không viển dẫn căn cứ pháp lý cụ thể. Mặt khác, theo Hiến pháp năm 2013 thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội có nhiệm vụ giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh (khoản 3, Điều 91); các cơ quan tổ tụng chỉ việc tổ chức thực hiện; để thực hiện nhiệm vụ phối hợp thì Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2008 và năm 2015 đã giao các cơ quan nêu trên được ban hành thông tư liên tịch để thực hiện thống nhất và đúng trình tự thủ tục do luật định và về hình thức văn bản, không nhất thiết viển dẫn các căn cứ pháp lý.

2.3. Về việc Thông tư liên tịch số 02 đưa ra một số quy định hạn chế quyền công dân được Tòa án xem xét theo Luật

Hướng dẫn về điều kiện được xét giảm và mức giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù, Thông tư liên tịch số 02 đã căn cứ quy định tại Điều 58 (giảm mức hình phạt đã tuyên), Điều 59 (giảm thời hạn chấp hành hình phạt trong trường hợp đặc biệt) và Điều 76 (giảm mức hình phạt đã tuyên đối với người chưa thành niên phạm tội) của Bộ Luật hình sự. Thời gian đã chấp hành hình phạt tù để xét giảm lần đầu là 1/3 (1/4 đối với phạm nhân là người chưa thành niên, già yếu, lập công, mắc bệnh hiểm nghèo) thời hạn đối với hình phạt tù từ 30 năm trở xuống, 12 năm đối với tù chung thân. Phạm nhân được xét giảm nhiều lần, mức giảm mỗi lần từ 3 tháng đến 3 năm (đến 4 năm đối với phạm nhân là người chưa thành niên, già yếu, lập công, mắc bệnh hiểm nghèo) nhưng phải đảm bảo thời hạn thực tế chấp hành là 1/2 (2/5 đối với phạm nhân là người chưa thành niên) mức hình phạt tù đã tuyên, 20 năm đối với tù chung thân. Như vậy, Thông tư liên tịch số 02 đã hướng dẫn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật hình sự trong việc xét, đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù.

Một số nội dung Bộ Luật hình sự chưa quy định cụ thể thời gian, mức giảm đối với các trường hợp phạm nhân cải tạo tiến bộ; phạm nhân lập công; phạm nhân đã quá già yếu, phạm nhân mắc bệnh hiểm nghèo thì Thông tư 02 đã có hướng dẫn cụ thể và đều có lợi cho phạm nhân. Qua kiểm tra, rà soát các nội dung hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 02 không phát hiện thấy nội dung nào trái với quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của công dân.

**3. Tòa án nhân dân tối cao trả lời tại Công văn số 268/TANDTC-PC ngày 11 tháng 8 năm 2017**

Để thi hành đúng và thống nhất các quy định của pháp luật về giảm thời hạn chấp hành án phạt tù đối với các phạm nhân, hướng dẫn cụ thể về đối

tượng, nguyên tắc, thời điểm, điều kiện, mức giảm, hồ sơ, trình tự, thủ tục xét, đề nghị, quyết định và thi hành quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù cho phạm nhân, ngày 15-3-2013 Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã ban hành Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC hướng dẫn thi hành các quy định về giảm thời hạn chấp hành án phạt tù đối với phạm nhân. Thông tư liên tịch này có nội dung phù hợp với các quy định của Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật như Bộ luật Hình sự năm 1999, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, Luật Thi hành án dân sự năm 2010... Thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục ban hành Thông tư liên tịch trên được thực hiện theo đúng Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008 và Nghị định số 24/2009/NĐ-CP ngày 05/3/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Tuy nhiên, từ ngày 01/01/2018, Bộ luật Hình sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Luật Tổ chức các cơ quan điều tra, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam có hiệu lực pháp luật trên phạm vi cả nước. Để bảo đảm thực hiện tốt nhất các quyền con người, quyền công dân theo Hiến pháp năm 2013, Tòa án nhân dân tối cao sẽ phối hợp với cơ quan có thẩm quyền để sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch này cho phù hợp hơn với thực tiễn và bảo đảm chính sách nhân đạo của Nhà nước ta đối với các phạm nhân để họ có thể tái hòa nhập với xã hội một cách tốt nhất.

#### **4. Bộ Công an trả lời tại Công văn số 2224/BCA-V11 ngày 15 tháng 9 năm 2017**

Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC, ngày 05/3/2013 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù đối với phạm nhân được liên ngành phối hợp xây dựng trên cơ sở phân công tại Quyết định số 15/QĐ-TTg, ngày 05/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thi hành án dân sự. Nội dung Thông tư hướng dẫn về trình tự, thủ tục, điều kiện, tiêu chuẩn giảm thời hạn chấp hành án phạt tù đối với phạm nhân trên cơ sở quy định của Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001), Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Luật Thi hành án hình sự năm 2010 và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008, đảm bảo phù hợp, thống nhất.

Hiện nay, Bộ Công an đang được phân công chủ trì xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án hình sự. Trong quá trình xây

dụng, Bộ Công an sẽ phối hợp với các bộ, ngành liên quan rà soát những nội dung còn phù hợp của Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC để nghiên cứu, đề xuất đưa vào nội dung Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án hình sự, bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC sẽ hết hiệu lực khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án hình sự có hiệu lực thi hành.

**2. Đề nghị Quốc hội sửa đổi Luật kế toán theo hướng đơn giản, dễ thực hiện, đồng thời có các quy định riêng cho loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa, để khuyến khích thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh lên hoạt động theo mô hình doanh nghiệp.**

**Trả lời:** (Công văn số 10624/BTC-CDKT ngày 10 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)

Luật kế toán số 88/2015/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 20/11/2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017, thay thế Luật kế toán số 03/2003/QH11. Trên cơ sở quy định của Luật kế toán, ngày 30/12/2016 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 174/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán. Tại Nghị định này, có một số nội dung đã được quy định theo hướng đơn giản, dễ thực hiện cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Tại Khoản 3 Điều 22 và Khoản 4 Điều 29 Luật kế toán 2015 giao Bộ Tài chính quy định chi tiết về một số nội dung chế độ kế toán gồm tài khoản kế toán, sổ kế toán và báo cáo tài chính cho từng nhóm đơn vị kế toán trong đó có cả các doanh nghiệp siêu nhỏ.

Thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 06/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 theo tinh thần Chính phủ đồng hành cùng doanh nghiệp, tại điểm b khoản 2 mục I của Chỉ thị, Bộ Tài chính được giao “*Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý chặt chẽ, thu thuế đúng, đủ, kịp thời đối với hộ kinh doanh lớn; chống thất thu đối với hộ khoán; nghiên cứu, đề xuất chính sách thu thuế và chế độ kế toán đơn giản, phù hợp doanh nghiệp nhỏ, đặc biệt là doanh nghiệp được chuyển đổi từ hộ kinh doanh, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội trong Quý III năm 2017*”.



Tại Điều 23 Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017 quy định một trong các trách nhiệm của Bộ Tài chính là “*Hướng dẫn về thủ tục hành chính thuế, chế độ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ; việc thực hiện các chính sách thuế, phí, lệ phí đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa*”.

Căn cứ quy định của Luật kế toán 2015 và Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14, Bộ Tài chính đang tổ chức nghiên cứu, xây dựng để ban hành chế độ kế toán đơn giản hơn cho một số loại hình doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ để thực hiện từ ngày 01/01/2018 (phù hợp với hiệu lực thi hành của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14).

**3. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư sớm ban hành thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư công, tạo thuận lợi cho các địa phương tổ chức thực hiện.**

**Trả lời:** (Công văn số 6346/BKHĐT-KH ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)

Tại Điều 69 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư công đã quy định “*Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị định này (nếu thấy cần thiết)*”. Trên cơ sở đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 03/2017/TT-BKHĐT ngày 25 tháng 4 năm 2017 quy định về chế độ báo cáo việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công.

**4. Tại điểm g Khoản 1 Điều 48 Luật Đầu tư quy định, sau 12 tháng mà nhà đầu tư mà không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký với cơ quan đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp được giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư thì chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư. Tuy nhiên, tại điểm i Khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai thì việc thu hồi đất do vi phạm của Luật Đất đai khi đất Nhà nước được giao, cho thuê để thực hiện dự án đầu tư mà không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa phải đưa đất vào sử dụng; trường hợp không đưa đất vào sử dụng thì chủ đầu tư được gia hạn sử dụng 24 tháng, nên rất khó khăn trong việc chấm dứt hoạt động của các dự án đầu tư chậm thực hiện, gây lãng phí tài nguyên. Đề nghị Quốc hội xem xét, sửa đổi các luật nêu trên cho thống nhất.**

**Trả lời:** (Công văn số 6346/BKHĐT-KH ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)

Thông nhất với kiến nghị của cử tri tỉnh Thanh Hóa. Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ xem xét, đề xuất Chính phủ sửa đổi quy định nêu trên.

5. **Tại Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế của Văn phòng điều phối Nông thôn mới các cấp, theo đó Văn phòng điều phối Nông thôn mới cấp tỉnh có nhiệm vụ tham mưu xây dựng kế hoạch vốn, phân bổ vốn ngân sách để xây dựng nông thôn mới trên địa bàn. Tuy nhiên, tại Điều 19, 33, 34 Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm lại quy định Sở Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị tham mưu xây dựng kế hoạch, phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm của tỉnh (trong đó có Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới). Đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh Quyết định số 1920/QĐ-TTg cho phù hợp với Nghị định số 77/2015/NĐ-CP của Chính phủ.**

**Trả lời:** (Công văn số 6780/BNN-VPĐP ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)

Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm quy định: Sở Kế hoạch và Đầu tư có nhiệm vụ **thẩm định và tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm** của Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp dưới trình Ủy ban nhân dân cùng cấp (Khoản 4, Khoản 6 Điều 19; Khoản 4, Khoản 6 Điều 33).

Tại Điểm b, Khoản 1, Điều 2, Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp tỉnh: **Tham mưu xây dựng kế hoạch vốn, phân bổ vốn ngân sách** và các nguồn vốn huy động khác để xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

Như vậy, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp tỉnh trong xây dựng kế hoạch và phân bổ vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của các địa phương là phù hợp với các quy định của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ. Căn cứ vào quy trình thực hiện các quy định hiện hành, Văn phòng Điều phối Nông thôn mới cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và dự kiến phân bổ vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, sau đó gửi Sở Kế

hoạch và Đầu tư cấp tỉnh để thẩm định và tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm.

**6. Cử tri đề nghị điều chỉnh lại Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, trong đó, giao cho chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và chịu trách nhiệm tuân thủ theo dự án đầu tư đã được người quyết định đầu tư phê duyệt; không quy định người quyết định đầu tư phê duyệt.**

**Trả lời:** (Công văn số 2025/BXD-HĐXD ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Bộ Xây dựng về việc trả lời kiến nghị của cử tri tỉnh Thanh Hóa gửi tới Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)

Vấn đề này, Bộ Xây dựng tiếp thu ý kiến của cử tri tỉnh Thanh Hóa để nghiên cứu và báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

**7. Tại Điều 10 Nghị định số 59/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng quy định, Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định các dự án sửa chữa, cải tạo, bảo trì và nâng cấp sử dụng vốn đầu tư công có tổng mức đầu tư dưới 5 tỷ đồng do cấp tỉnh quản lý. Tuy nhiên, Điều 30, 31 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công lại quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định. Đề nghị Chính phủ xem xét, thống nhất cơ quan chủ trì thẩm định loại dự án trên, tạo thuận lợi cho các địa phương thực hiện.**

**Trả lời:** (Công văn số 6737/BKHĐT-TH ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)

1. Về trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư công có cấu phần xây dựng được quy định tại Điều 31 của Nghị định 136/2015/NĐ-CP đã nêu rõ trình tự lập, thẩm định, quyết định dự án đầu tư công có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định pháp luật về xây dựng và Luật Đầu tư công.

Theo quy định của Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn thi hành thì trong cùng một dự án, trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định, đối với từng nhóm dự án khác nhau, quy mô đầu tư dự án khác nhau, nguồn vốn đầu tư dự án khác nhau,... được phân công cho nhiều cơ quan chủ trì thẩm định từng nội dung cụ thể.

Do đó, việc cho rằng: “Cơ quan chủ trì thẩm định” nêu tại khoản 8 Điều 57 của Luật Xây dựng là “Cơ quan chuyên môn về xây dựng” nêu tại khoản 2 Điều 57 của Luật Xây dựng như ý kiến trên là không chính xác. Nếu hiểu theo cách này, thì tất cả các dự án (nhóm A, Nhóm B, nhóm C; đầu tư xây dựng mới và sửa chữa, cải tạo nhỏ,...) của các Bộ, ngành trung ương (trừ một số Bộ quản

lý công trình xây dựng chuyên ngành được tự thẩm định) và tất cả các dự án nhóm A của địa phương do Bộ Xây dựng chủ trì thẩm định, thì Bộ trưởng Bộ Xây dựng tổng hợp kết quả thẩm định để trình các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố quyết định đầu tư. Thực hiện theo quy định này là trái với Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương.

Đồng thời, nếu hiểu theo cách này, thì các quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng cũng trái với quy định của Luật Xây dựng. Theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ: Đối với dự án đầu tư xây dựng chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, việc thẩm định được thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng và Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP (do cơ quan chuyên môn về xây dựng và các cơ quan liên quan thẩm định). Tuy nhiên, việc tổng hợp trình người quyết định đầu tư lại do **cơ quan chuyên môn thuộc người quyết định đầu tư** (không phải cơ quan chuyên môn về xây dựng) có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định để trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng.

2. Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi thành một số điều của Luật Đầu tư công trước khi trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành đã được Bộ Tư pháp chủ trì thẩm định, các thành viên tham gia thẩm định là đại diện các Bộ, cơ quan trung ương và một số địa phương. Trên cơ sở ý kiến của các Bộ, ngành trung ương, địa phương tham gia góp ý bằng văn bản vào dự thảo Nghị định và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, dự thảo Nghị định đã hoàn thiện trình lên Chính phủ. Văn phòng Chính phủ đã gửi phiếu xin ý kiến đến các thành viên Chính phủ và đã được tất cả các thành viên Chính phủ nhất trí thông qua. Các nội dung quy định tại Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 hoàn toàn phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, không có quy định nào trái với các văn bản pháp luật hiện hành; đồng thời giải quyết được vướng mắc của địa phương trong việc tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư các dự án đầu tư công tại địa phương.

Đối với địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan được giao chủ trì hoặc thường trực Hội đồng thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án đầu tư dự án đầu tư công do địa phương quản lý; chủ trì thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các

dự án sử dụng vốn đầu tư công của địa phương; chủ trì thẩm định trong khâu quyết định đầu tư một số nhóm dự án,... Do đó, việc giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp cuối cùng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, hoặc gửi cơ quan được phân cấp hoặc ủy quyền theo quy định để xem xét, quyết định đầu tư các dự án đầu tư công nêu tại điểm c khoản 2 Điều 31 Nghị định 136/2015/NĐ-CP là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật và phân cấp quản lý nguồn vốn đầu tư công. Tuy nhiên, liên quan đến nội dung cơ quan chủ trì thẩm định dự án đầu tư xây dựng, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

*8. Tại Điều 7, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ quy định mức vốn dự phòng của Bộ, ngành và địa phương là 10% trên tổng mức vốn kế hoạch trung hạn theo từng nguồn vốn nhưng không quy định mức vốn dự phòng cho từng năm kế hoạch (trong khi Luật Ngân sách quy định việc bố trí dự phòng ngân sách hằng năm), gây khó khăn trong việc xử lý các vấn đề cấp bách, phát sinh trong kế hoạch hằng năm. Để bảo đảm chắc chắn khả năng nguồn vốn trong lập kế hoạch vốn đầu tư công, chủ động trong việc xử lý các vấn đề cấp bách, phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch hằng năm, đề nghị Chính phủ sửa đổi Điều 7 nêu trên theo hướng quy định cụ thể tỷ lệ bố trí dự phòng hằng năm và phương án sử dụng để tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thực hiện.*

Trả lời: (Công văn số 6737/BKHĐT-TH ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)

Tại khoản 1 và 2 Điều 7 Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm đã quy định các trường hợp sử dụng dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn (bao gồm 10% dự phòng trên tổng mức vốn kế hoạch trung hạn theo từng nguồn vốn của bộ, ngành trung ương và địa phương) gồm:

a) Xử lý trượt giá sau khi đã sử dụng hết số vốn dự phòng trong tổng mức đầu tư được duyệt của từng dự án theo quy định của pháp luật.

b) Bổ sung đầu tư dự án khẩn cấp và dự án cần thiết mới phát sinh; đối ứng cho chương trình, dự án ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài chưa có trong danh mục kế hoạch đầu tư trung hạn;

c) Vấn đề cấp bách khác phát sinh trong quá trình triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn

Tuy nhiên, trong Nghị định trên chưa quy định trên chưa quy định thời điểm dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn của từng bộ, ngành trung ương và địa phương. Bộ Kế hoạch và Đầu tư ghi nhận ý kiến của tỉnh Thanh Hóa và nghiên cứu, tiếp thu trong quá trình sửa đổi, bổ sung 02 Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 và Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**9. Tại Điều 76 Luật Đầu tư công quy định đối với các dự án sử dụng vốn NSNN, vốn TPCP, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước thì thời hạn thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn hạn giai đoạn trước đến 31/12 năm đầu tiên của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau; thời gian giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm được kéo dài sang năm sau. Tuy nhiên, Khoản 3 Điều 46 Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 lại quy định trước ngày 15/3 hằng năm, Bộ, ngành Trung ương và địa phương gửi kế Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính danh mục dự án chưa giải ngân hết kế hoạch năm trước, đề xuất danh mục, lý do và mức vốn kế hoạch năm trước kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán sang năm sau. Như vậy, việc quy định như trên gây nhiều khó khăn cho các đơn vị, làm tăng thủ tục hành chính trong thanh toán vốn đầu tư. Đề nghị Chính phủ xem xét, bãi bỏ quy định quy trình, thủ tục kéo dài thời gian thực hiện giải ngân; cho phép các dự án sử dụng nguồn NSNN, vượt thu NSNN thực hiện đầu tư theo thời gian rút gọn.**

**Trả lời:** (Công văn số 6737/BKHĐT-TH ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)

Trước khi có Luật Đầu tư công, các dự án muốn được phép kéo dài thời gian thực hiện sang năm sau đều phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định (sau khi có ý kiến rà soát của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính). Nay thực hiện theo Nghị định số 77/2015/NĐ-CP là đã giảm được một khâu thủ tục hành chính so với trước khi có Luật Đầu tư công, không phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ như trước; Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính rà soát và thông báo số vốn chưa giải ngân cho các Bộ, ngành trung ương và địa phương thực hiện.

Đối với địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan được giao chủ trì hoặc thường trực Hội đồng thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án đầu tư công do địa phương quản lý; chủ trì thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án sử

dụng vốn đầu tư công của địa phương; chủ trì thẩm định trong khâu quyết định đầu tư một số nhóm dự án,... Do đó, việc giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp cuối cùng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, hoặc gửi cơ quan được phân cấp hoặc ủy quyền theo quy định để xem xét, quyết định đầu tư các dự án đầu tư công nêu tại điểm c khoản 2 Điều 31 Nghị định 136/2015/NĐ-CP là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật và phân cấp quản lý nguồn vốn đầu tư công. Tuy nhiên, liên quan đến nội dung cơ quan chủ trì thẩm định dự án đầu tư xây dựng, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

**10. Để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, đề nghị xem xét, xây dựng trình Quốc hội sớm ban hành Luật về Khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghiệp.**

**Trả lời:** (Công văn số 6737/BKHĐT-TH ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)

Hiện nay Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang xây dựng Nghị định thay thế các Nghị định số 29/2008/NĐ-CP, số 164/2013/NĐ-CP và số 114/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về KCN, KCX, KKT và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các KCN, KKT. Bộ Kế hoạch và Đầu tư ghi nhận đề nghị xây dựng Luật KCN, KKT và sẽ báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

**11. Cử tri kiến nghị xem xét sửa đổi, bổ sung một số điểm bất hợp lý của Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 như: Số lượng cấp phó của HĐND tăng trong khi cấp phó của UBND giảm, đồng thời đề nghị khẩn trương ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.**

**Trả lời:** (Công văn số 4936/BNV-CQĐP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Bộ Nội vụ về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới sau Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)

**1. Về ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật tổ chức chính quyền địa phương**

Sau khi Luật tổ chức chính quyền địa phương được ban hành, Bộ Nội vụ đã trình Thủ tướng ban hành Quyết định số 1910/QĐ-TTg ngày 05/11/2015 về kế hoạch triển khai Luật tổ chức chính quyền địa phương. Theo đó, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền tham mưu, giúp Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành 03 Nghị quyết hướng dẫn Luật tổ chức chính quyền địa phương: (1) Nghị quyết số 1130/2016/UBTVQH13 ngày 14/01/2016 về tiêu chuẩn, điều kiện thành lập Ban dân tộc của HĐND tỉnh, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; (2) Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH

ngày 25/5/2016 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; (3) Nghị quyết số 1206/2016/UBTVQH13 ngày 13/5/2016 quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu HĐND; phối hợp với Bộ Xây dựng (cơ quan chủ trì) tham mưu, giúp Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị. Đồng thời, Bộ Nội vụ đã trình Chính phủ ban hành 02 Nghị định: (1) Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 quy định số lượng Phó Chủ tịch UBND và quy trình, thủ tục bầu, phê chuẩn, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên UBND; (2) Nghị định số 48/2016/NĐ-CP ngày 27/5/2016 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Văn phòng HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Như vậy, các nội dung được Luật tổ chức chính quyền địa phương giao Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành đã được ban hành.

## **2. Về kiến nghị sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương**

Việc sửa đổi, bổ sung quy định về số lượng cấp phó của HĐND và UBND nêu trên liên quan đến việc phải sửa đổi Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015. Bộ Nội vụ sẽ tổng hợp, báo cáo với cấp có thẩm quyền xem xét kiến nghị nêu trên của cử tri trình Thanh Hóa khi có chủ trương sửa đổi, bổ sung Luật tổ chức chính quyền địa phương.

*12. Đề nghị xem xét quyết định cho cán bộ, công chức xã cộng nổi thời gian công tác trong quân đội với thời gian công tác ở xã khi nghỉ hưu đảm bảo được quyền lợi như quân nhân phục vụ xuất ngũ đã chuyển ngành trước đây.*

Trả lời: (Công văn số 4937/BNV-CQĐP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Bộ Nội vụ về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới sau Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV)

Tại điểm a Khoản 6 Điều 8 Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27/5/2010 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã quy định thì quân nhân, công an nhân dân đã phục viên, xuất ngũ trước ngày 15/12/1993 và không hưởng trợ cấp nghỉ việc một lần theo quy định tại Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005;



Quyết định số 92/2005/QĐ-TTg ngày 29/4/2005 và Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ thì được cộng nối thời gian công tác trong quân đội với thời gian giữ chức danh theo Nghị định số 09/1998/NĐ-CP để tính hưởng bảo hiểm xã hội.

Đồng thời, tại Khoản 8, Điều 1 Nghị định số 153/2013/NĐ-CP ngày 08/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19/4/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân đã quy định “Quân nhân, công an nhân dân đã phục viên, xuất ngũ trước ngày 15 tháng 12 năm 1993, sau đó chuyển sang làm việc có tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước, hưởng lương từ ngân sách nhà nước hoặc các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế có tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cả năm chế độ mà không hưởng chế độ trợ cấp quy định tại Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2002; Điểm a Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005; Quyết định số 92/2005/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2005; Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008; Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2010; Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 và Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ thì được cộng nối thời gian công tác trong quân đội, công an trước đó với thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội sau này để tính hưởng bảo hiểm xã hội”.

Việc tổ chức thực hiện thuộc thẩm quyền của ngành Lao động – Thương binh và Xã hội, Nội vụ và Bảo hiểm xã hội địa phương, cử tri liên hệ với các ngành nêu trên ở địa phương để được hướng dẫn thực hiện.

Trên đây là kết quả giải quyết và trả lời của các Bộ, ngành Trung ương về những kiến nghị của cử tri Thanh Hóa gửi tới kỳ họp thứ ba, Quốc hội khóa XIV. Đoàn ĐBQH Thanh Hóa tổng hợp báo cáo cử tri./.

**Nơi nhận:**

- TT. HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các vị ĐBQH tỉnh (B/c với cử tri);
- Báo TH, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VPĐBQH.

